

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 193/2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2009

THÔNG TƯ

quy định chi tiết thi hành Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan và Nghị định số 18/2009/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2007/NĐ-CP

Căn cứ Luật hải quan ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hải quan ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm

2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan và Nghị định số 18/2009/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và Nghị định số 13/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính,

Bộ Tài chính quy định chi tiết việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan như sau:

Chương I

XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ HẢI QUAN

Mục 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định quản lý nhà nước về hải quan (bao gồm cả thuế đối với

hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của Nghị định xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan phải bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan.

Điều 2. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các hình thức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan phải tuân thủ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Luật quản lý thuế, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008; Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan và Nghị định số 18/2009/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều

của Nghị định số 97/2007/NĐ-CP (sau đây gọi chung là Nghị định).

2. Việc áp dụng các quy định để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan được thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, khoản 3 Điều 55 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 18/2009/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2009.

Điều 3. Áp dụng các nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

1. Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về hải quan thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan hoặc các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực hải quan.

Cá nhân, tổ chức đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính mà từ chối nhận hàng thì vẫn phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm do mình thực hiện.

2. Khi ra quyết định xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được quy định tại Điều 8, Điều 9

Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Điều 6 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12/2008, Điều 3, Điều 4 Nghị định và một số quy định cụ thể sau đây:

a) Một hành vi vi phạm do cùng một cá nhân, tổ chức thực hiện ở cùng một thời điểm trên nhiều tờ khai, hợp đồng thì chỉ xử phạt một lần; đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng “vi phạm nhiều lần trong cùng lĩnh vực”.

Trường hợp đã bị xử phạt về một hành vi vi phạm, nhưng chưa hết một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm đó ở lô hàng khác thì áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12/2008 khi ra quyết định xử phạt;

b) Vi phạm lần đầu trong lĩnh vực hải quan nêu tại khoản 1 Điều 3 Nghị định là trường hợp cá nhân, tổ chức trước đó chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan nhưng đã qua một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm.

3. Trường hợp hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan là hệ quả của một hành

vi vi phạm khác trong cùng lĩnh vực hải quan thì chỉ xử phạt đối với hành vi vi phạm có chế tài xử phạt nặng hơn.

Điều 4. Các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về hải quan.

Việc áp dụng các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về hải quan theo Điều 7 Nghị định được thực hiện như sau:

1. Hàng hóa, phương tiện vận tải đưa vào Việt Nam do bị hỏa hoạn, thiên tai, địch họa, sự kiện bất ngờ, trong tình thế cấp thiết phải khai và đã thực hiện khai với cơ quan hải quan, cơ quan có thẩm quyền khác hoặc chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp không khai sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc thông báo nhằm lẩn quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định phải được người gửi hàng, người nhận hàng hoặc người đại diện hợp pháp thực hiện bằng văn bản, nêu rõ lý do gửi cho cơ quan hải quan kèm theo các chứng từ liên quan đến việc nhằm lẩn trước thời điểm cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa hoặc quyết định miễn kiểm tra thực tế hàng hóa; được Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan chấp nhận.

Trường hợp có căn cứ xác định có sự thông đồng giữa người gửi hàng, người nhận hàng và/hoặc người vận chuyển để trốn thuế, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới hoặc buôn lậu thì cơ quan hải quan có quyền từ chối chấp nhận nhằm lẩn.

3. Quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định được áp dụng đối với các trường hợp nêu tại điểm c khoản 1 Điều 12 Thông tư số 79/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

4. Đối với các trường hợp quy định tại khoản 5, 6 và 8 Điều 7 Nghị định:

a) Tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm đã đủ cơ sở xác định thuộc trường hợp không xử phạt thì người có thẩm quyền xử phạt chỉ lập biên bản chứng nhận lưu hồ sơ;

b) Nếu chưa đủ cơ sở xác định hành vi vi phạm có thuộc trường hợp xử phạt hay không xử phạt thì công chức hải quan đang thi hành công vụ lập biên bản vi phạm hành chính về hải quan; trên cơ sở hồ sơ hải quan, tài liệu có liên quan, biên bản vi phạm hành chính về hải quan, người có thẩm quyền xử phạt quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 28 Nghị định

quyết định về việc xử phạt hoặc không xử phạt;

c) Hành vi vi phạm pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định bao gồm các hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 9 và khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định.

5. Trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định:

a) Người khai hải quan khai sai mã số, thuế suất lần đầu, cơ quan Hải quan hướng dẫn để khai lại mã số, thuế suất cho chính xác, lập biên bản chứng nhận và không xử phạt;

b) Việc khai sai mã số, thuế suất được coi là lần đầu khi đáp ứng các điều kiện:

b.1) Trong thời hạn một năm (tính đến ngày đăng ký tờ khai hải quan xuất, nhập khẩu lô hàng khai sai mã số, thuế suất) cá nhân, tổ chức chưa xuất, nhập khẩu mặt hàng đó; hoặc đã xuất, nhập khẩu mặt hàng đó nhưng khai mã số, thuế suất chưa đúng và chưa được phát hiện;

b.2) Chưa được cơ quan Hải quan hướng dẫn khai mã số, thuế suất mặt hàng này hoặc đã hướng dẫn nhưng chưa đúng.

Điều 5. Định giá hàng hóa, tang vật vi phạm để xác định mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Đối với tang vật, phương tiện không bị tịch thu thì trị giá tang vật, phương tiện vi phạm là trị giá hải quan, được xác định theo các quy định hiện hành về xác định trị giá hải quan ở thời điểm lập biên bản vi phạm; nếu là ngoại hối thì tỷ giá được xác định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại văn bản hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra hải quan, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Đối với hàng hóa, tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu thì tùy theo từng loại hàng hóa, tang vật cụ thể, việc xác định trị giá căn cứ vào các yếu tố nêu tại khoản 2 Điều 36a Nghị định và Điều 34 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12/2008 của Chính phủ.

3. Các tài liệu liên quan đến việc định giá phải được thể hiện trong hồ sơ xử lý vụ việc vi phạm hành chính có thực hiện việc định giá hàng hóa, tang vật, phương tiện vi phạm.

Điều 6. Xử lý hàng hóa, phương tiện vi phạm không bị áp dụng hình thức phạt tịch thu

1. Hàng hóa tạm giữ mà không bị tịch thu thì người ra quyết định tạm giữ ra quyết định trả lại.

2. Hàng hóa trả lại được làm thủ tục hải quan theo quy định; nếu hàng hóa thuộc

đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác có liên quan thì phải nộp thuế theo quy định.

Điều 7. Cách tính thời hạn, thời hiệu

1. Thời hạn, thời hiệu trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính quy định theo tháng hoặc theo năm thì khoảng thời gian đó được tính theo tháng, năm dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật lao động.

2. Thời hạn trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính quy định theo ngày thì khoảng thời gian đó được tính theo ngày làm việc, không bao gồm ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật lao động.

Mục 2

ÁP DỤNG CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC PHẠT

Điều 8. Vi phạm quy định về thời hạn làm thủ tục hải quan, nộp hồ sơ thuế tại Điều 8 Nghị định

1. Thời hạn làm thủ tục hải quan tại Điều 8 Nghị định là thời hạn quy định tại Điều 18 Luật hải quan và các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thời hạn làm thủ tục hải quan đối với từng loại hình xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Trường hợp người khai hải quan đề nghị điều chỉnh định mức tiêu hao đối

với nguyên liệu gia công hàng hóa để xuất khẩu, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu sau khi sản phẩm đã xuất khẩu, nếu được cơ quan Hải quan chấp nhận việc điều chỉnh định mức thì xử phạt theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định.

3. Hành vi vi phạm quy định tại điểm đ, e khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 8 Nghị định chỉ bị xử phạt nếu trong giấy phép, tờ khai hải quan hoặc các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật có quy định thời gian phải tái nhập hoặc tái xuất.

4. Thời hạn tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định là thời hạn thanh khoản hợp đồng, tờ khai, hàng hóa, nguyên liệu, vật tư quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan.

5. Biện pháp “buộc tái xuất hàng hóa” quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định chỉ áp dụng đối với hành vi “Không tái xuất hàng hóa đúng thời hạn quy định hoặc thời gian đã đăng ký với cơ quan hải quan” quy định tại điểm đ khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định.

Trường hợp hành vi vi phạm “Không tái xuất phương tiện vận tải đúng thời hạn quy định” quy định tại điểm e khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định được phát hiện khi cá nhân, tổ chức đang làm thủ tục tái xuất phương tiện vi phạm thì

không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “buộc tái xuất”; trong quyết định xử phạt chỉ ghi hình thức phạt chính, cơ quan hải quan hoàn tất thủ tục tái xuất cho phương tiện sau khi quyết định xử phạt đã được thực hiện.

Điều 9. Vi phạm quy định về khai hải quan và khai thuế quy định tại Điều 9 Nghị định.

1. Trường hợp nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm nhưng không đúng với khai hải quan mà việc làm thủ tục hải quan do doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh thay mặt chủ hàng thực hiện theo quy định của pháp luật, nếu không có căn cứ xác định có sự thông đồng giữa người gửi hàng, người nhận hàng và người làm thủ tục hải quan nhằm mục đích gian lận thì không xử phạt.

2. Đối với hành vi không khai hoặc khai sai nhưng hàng hóa thuộc danh mục hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại đã được Bộ Tài chính hoặc cơ quan do Bộ Tài chính ủy quyền xác nhận thì xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định.

Trường hợp hàng hóa không thuộc danh mục đã được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thì tùy theo hành vi vi phạm mà xử phạt theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định hoặc điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định.

3. Trường hợp nhập khẩu không đúng với khai hải quan nhưng hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, linh kiện nhập khẩu thuộc diện miễn thuế như: hàng hóa thuộc hợp đồng gia công đã đăng ký, hàng hóa thuộc danh mục miễn thuế của dự án đầu tư thì xử phạt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định, trừ lùi vào hợp đồng hoặc danh mục đã đăng ký; trường hợp hàng hóa không thuộc diện miễn thuế thì xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định.

4. Hàng hóa tạm nhập, tạm xuất không đúng với khai hải quan thuộc diện miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì xử phạt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định; trường hợp không thuộc diện miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 9 hoặc khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định.

5. Quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định được áp dụng đối với trường hợp khai và làm thủ tục hải quan nhưng không xuất khẩu hoặc xuất khẩu thiếu so với khai hải quan. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tờ khai hải quan không có giá trị làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật hải quan.

6. Việc xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định được áp dụng đối với các hành vi vi phạm thuộc các loại hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa dẫn đến làm thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, được hoàn, không thu.

7. Vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định mà nội dung khai sai là hệ quả của các hành vi vi phạm nêu tại khoản 1 Điều 14 Nghị định thì xử phạt theo quy định tại Điều 14 Nghị định.

8. Đối với hành vi không khai hoặc khai sai về tên hàng, chủng loại, số lượng, trọng lượng, chất lượng, trị giá, mã số hàng hóa, thuế suất, xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cần kiểm tra xác minh để làm rõ; nếu không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định thì tùy từng trường hợp cụ thể mà xử phạt theo quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định.

9. Đối với hành vi khai nhiều hơn so với thực tế hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu (bao gồm cả nguyên vật liệu gia công tái xuất, nguyên vật liệu nhập sản xuất tái xuất) về chủng loại, số lượng, trọng lượng dẫn đến số thuế chênh lệch dưới 50 triệu đồng thì xử phạt theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định.

Điều 10. Vi phạm quy định về khai hải quan của người xuất cảnh, nhập cảnh đối với ngoại tệ, tiền Việt Nam bằng tiền mặt, vàng (dạng khối, thỏi, hạt, miếng) quy định tại Điều 10 Nghị định.

1. Các hành vi vi phạm quy định tại Điều 10 Nghị định áp dụng đối với trường hợp người xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu, giấy thông hành, chứng minh thư biên giới mang theo ngoại tệ, tiền Việt Nam bằng tiền mặt hoặc vàng dạng khối, thỏi, hạt, miếng vi phạm các quy định về khai hải quan khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh. Các trường hợp mang ngoại tệ, tiền Việt Nam bằng tiền mặt hoặc vàng trái phép khác qua biên giới thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 13 Nghị định.

2. Trị giá tang vật vi phạm là trị giá sau khi đã trừ đi trị giá ngoại tệ, vàng, tiền Việt Nam không phải khai hải quan theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người xuất cảnh, nhập cảnh mang vàng trang sức vi phạm quy định về khai hải quan thì xử phạt như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khác.

Điều 11. Vi phạm quy định về kiểm tra hải quan, thanh tra thuế; giám sát hải quan; kiểm soát hải quan quy định tại Điều 11, 12, 13 Nghị định.

1. Quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định được áp dụng đối với trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có quy định việc lưu mẫu, lưu hồ sơ, chứng từ.

2. Điểm c khoản 3 Điều 11 Nghị định được áp dụng đối với trường hợp không thực hiện những nội dung mà cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để kiểm tra, thanh tra thuế.

3. Khi phát hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều 11 Nghị định thì phải lập biên bản thu giữ niêm phong hải quan hoặc giấy tờ thuộc hồ sơ hải quan bị giả mạo. Trường hợp các giấy tờ này là giấy phép thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp phép biết.

4. Vi phạm quy định về di chuyển phương tiện vận tải chở hàng hóa quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu không đúng tuyến đường, địa điểm, cửa khẩu, thời gian quy định hoặc đăng ký trong hồ sơ hải quan mà không giải trình hoặc giải trình không được Lãnh đạo Chi cục Hải quan chấp nhận thì bị xử phạt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định.

5. Quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị định chỉ áp dụng đối với trường hợp tang vật vi phạm chưa bị tẩu tán, tiêu thụ. Trường hợp tang vật vi phạm không

còn thì bị xử phạt theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định.

6. Hành vi vi phạm quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 13 Nghị định do người dưới 14 tuổi thực hiện thì lập biên bản chứng nhận, ra quyết định tịch thu hoặc tiêu hủy tang vật.

7. Khi xử phạt hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định thì người có thẩm quyền xử phạt quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 28 Nghị định phải tiến hành định giá tang vật, phương tiện vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này để xác định mức tiền phạt và thẩm quyền xử phạt.

Điều 12. Xử phạt đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế quy định tại Điều 14 Nghị định

1. Chứng từ, tài liệu nêu tại điểm a khoản 1 Điều 14 bao gồm các chứng từ, tài liệu nộp hoặc xuất trình cho cơ quan hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan và sau khi thông quan làm căn cứ xác định hoặc chứng minh số thuế phải nộp.

2. “Lần nhập khẩu trước” nêu tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định được xác định trong khoảng thời gian một năm (365 ngày) trước thời điểm vi phạm.

3. Hành vi không khai hoặc khai sai về tên hàng, chủng loại, số lượng, trọng lượng, chất lượng, trị giá, mã số hàng hóa, thuế suất, xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được phát hiện sau khi hàng hóa đã thông quan mà người vi phạm không tự giác nộp đủ thuế hoặc chưa nộp đủ thuế theo quy định trước khi cơ quan hải quan lập biên bản vi phạm thì xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định.

4. Vi phạm quy định về quản lý hàng hóa trong khu phi thuế quan quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định áp dụng trong trường hợp tại thời điểm cơ quan Hải quan kiểm tra, lượng hàng hóa không còn hoặc còn lại ít hơn so với báo cáo thanh khoản hoặc sổ sách của doanh nghiệp.

5. Vi phạm liên quan đến hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu, bao gồm cả nguyên vật liệu gia công tái xuất, nguyên vật liệu nhập sản xuất tái xuất được quy định chi tiết như sau:

a) Trường hợp làm thủ tục xuất khẩu nhưng không xuất khẩu thì xử phạt theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 Nghị định. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tờ khai hải quan không có giá trị làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật hải quan;

b) Trường hợp khai nhiều hơn so với thực tế hàng hóa xuất khẩu về chủng loại, số lượng, trọng lượng dẫn đến số thuế chênh lệch từ 50 triệu đồng trở lên mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì xử phạt theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 Nghị định.

6. Hành vi nêu tại điểm n khoản 1 Điều 14 Nghị định được áp dụng khi cơ quan hải quan có đủ căn cứ xác định người nộp thuế biết rõ hàng hóa thực xuất khẩu, thực nhập khẩu mà không khai hoặc khai sai để trốn thuế.

7. Cơ sở để xác định số thuế chênh lệch đối với hành vi khai thiếu thuế, trốn thuế, gian lận thuế là: kê khai của người nộp thuế và quyết định ấn định thuế của người có thẩm quyền.

Điều 13. Đối với vi phạm liên quan đến giấy phép, điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu

1. Giấy phép, điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật nêu tại Điều 16 Nghị định là giấy phép, điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2006/NĐ-CP và các Nghị định khác của Chính phủ có quy định về giấy phép, điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Trường hợp hàng hóa thuộc danh mục nhập khẩu phải có giấy phép của Bộ Công thương hoặc quản lý của các Bộ chuyên ngành (không thuộc danh mục cấm nhập khẩu), chưa quá thời hạn làm thủ tục hải quan nhưng chủ hàng không làm thủ tục nhập khẩu mà xin tái xuất thì không xử phạt.

3. Trường hợp nhập khẩu hàng hóa, vật phẩm vi phạm quy định tại Điều 16 Nghị định nhưng do doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh thay mặt chủ hàng làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật, nếu người nhận hàng từ chối nhận và không có căn cứ xác định việc đưa hàng hóa vào Việt Nam theo yêu cầu của người nhận hàng thì không xử phạt người nhận hàng. Tang vật vi phạm giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định.

4. Chỉ áp dụng hình thức phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép đối với giấy phép liên quan trực tiếp đến hàng hóa là tang vật vi phạm.

Trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác cấp, trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày ra quyết định xử phạt, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản cho cơ quan đó biết về việc xử lý của mình.

5. Vi phạm liên quan đến giấy phép nhập khẩu, điều kiện xuất khẩu, nhập

khẩu mà hàng hóa thuộc diện hàng hóa trao đổi của cư dân biên giới, hàng viện trợ nhân đạo, hàng quà biếu, tài sản di chuyển, hàng hóa của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng quá cảnh, chuyển khẩu; hàng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập thì tùy theo từng hành vi vi phạm mà bị xử phạt theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 16 Nghị định; các trường hợp khác thì xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định.

6. Đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3; điểm a, b, h khoản 4; điểm a khoản 6 Điều 16 Nghị định mà cơ quan quản lý chuyên ngành yêu cầu đưa hàng hóa vi phạm ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc tái xuất thì không áp dụng hình thức tịch thu tang vật vi phạm và thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành.

7. Đối với hành vi vi phạm liên quan đến giấy phép, điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật nhập khẩu quy định tại khoản 2; điểm a, b khoản 3; điểm d, e khoản 4 Điều 16 Nghị định nhưng trước thời điểm ra quyết định xử phạt đã có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền thì không áp dụng hình thức phạt bổ sung buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp đã ra quyết định xử phạt và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “buộc đưa ra

khỏi Việt Nam” nhưng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt mà cơ quan quản lý chuyên ngành cho phép nhập khẩu và hàng hóa chưa đưa ra khỏi Việt Nam thì được phép nhập khẩu.

Điều 14. Vi phạm quy định về kho ngoại quan, kho bảo thuế

Chủ hàng không làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê kho theo quy định của pháp luật, không thông báo với cơ quan hải quan, không đưa hàng ra khỏi kho ngoại quan khi hợp đồng thuê kho ngoại quan hết hạn thì bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định, hàng hóa sẽ bị xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005.

Điều 15. Xử lý vi phạm của Kho bạc nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Khoản 1 Điều 19 Nghị định được áp dụng đối với trường hợp quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn trích tiền từ tài khoản mà Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác không thực hiện trích, chuyển toàn bộ hoặc một phần tương ứng số tiền phải nộp từ tài khoản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế thi hành quyết định hành

chính vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan hải quan khi tại thời điểm nhận được quyết định cưỡng chế, tài khoản tiền gửi của người bị cưỡng chế có số dư.

2. Quy định tại khoản 3 Điều 19 không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp thuế. Tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp thuế có hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin thì xử phạt theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định.

Mục 3

THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ BẢO ĐẢM VIỆC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 16. Khi áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Chỉ những người có thẩm quyền quy định tại Điều 23 Nghị định mới có quyền ra quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

2. Việc tạm giữ người phải có quyết định bằng văn bản và phải giao cho người bị tạm giữ một bản.

3. Chỉ tạm giữ người theo thủ tục hành chính trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự trong địa bàn hoạt động hải quan, gây thương tích cho công chức hải quan đang thi hành công vụ hoặc cần thu thập, xác minh những tình tiết quan trọng, phức tạp liên quan đến hành vi vi phạm làm căn cứ để ra quyết định xử phạt hành chính hoặc để đảm bảo việc xử lý đối với người có hành vi vi phạm.

4. Việc tạm giữ người phải tuân thủ Quy chế tạm giữ người theo thủ tục hành chính ban hành kèm theo Nghị định số 162/2004/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ, Nghị định số 19/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tạm giữ người theo thủ tục hành chính ban hành kèm theo Nghị định số 162/2004/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ và Thông tư số 26/2007/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số điều của Quy chế tạm giữ người theo thủ tục hành chính ban hành kèm theo Nghị định số 162/2004/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ.

Điều 17. Tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1. Khi áp dụng biện pháp tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm

hành chính phải tuân theo quy định tại Điều 24 Nghị định.

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh không bị tạm giữ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Trong trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy thì thủ trưởng trực tiếp của nhân viên Hải quan được quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định, người ra quyết định phải báo cáo thủ trưởng của mình là một trong những người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định và được sự đồng ý bằng văn bản của người đó; trong trường hợp không được sự đồng ý của họ thì người đã ra quyết định tạm giữ phải hủy ngay quyết định tạm giữ và trả lại vật, tiền, hàng hóa, phương tiện đã bị tạm giữ.

3. Trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người nộp thuế, thanh tra thuế mà phát hiện có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục kiểm

tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Hải quan, Trưởng đoàn thanh tra thuế có thẩm quyền quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Điều 18. Khám người theo thủ tục hành chính

Thẩm quyền và trình tự khám người theo thủ tục hành chính phải tuân thủ các điều kiện quy định tại Điều 25 Nghị định.

Điều 19. Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính

1. Thẩm quyền và trình tự khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính phải tuân thủ các điều kiện quy định tại Điều 26 Nghị định.

2. Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật của các đối tượng được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao, miễn trừ lãnh sự phải tuân theo các quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập và phải có quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Khi có cơ sở khẳng định hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, miễn trừ lãnh sự chứa đựng những đồ vật không được hưởng ưu đãi, hoặc

chứa những đồ vật thuộc loại Nhà nước Việt Nam cấm xuất khẩu, nhập khẩu hoặc không tuân thủ các chế độ kiểm dịch của Việt Nam, thì việc khám xét thực hiện theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, trước mặt viên chức ngoại giao hoặc người được ủy quyền đại diện cho họ.

Điều 20. Khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện liên quan đến hành vi vi phạm

1. Chỉ những người được quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định mới có thẩm quyền ra quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Việc khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 49 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 27 Nghị định.

2. Trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người nộp thuế, thanh tra thuế mà phát hiện có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Hải quan có thẩm quyền quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Mục 4

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT

Điều 21. Phân định thẩm quyền xử phạt

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các cấp hải quan quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28 Nghị định là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung phạt tiền quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính về hải quan thì thẩm quyền xử phạt được xác định như sau:

a) Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28 Nghị định, thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

b) Trường hợp mức tiền phạt hoặc một trong các hình thức xử phạt hoặc biện pháp khắc phục hậu quả không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền thì người đang thụ lý vụ việc vi phạm phải kịp thời chuyển vụ việc đó đến người có thẩm quyền xử phạt.

2. Những người quy định tại khoản 6 Điều 28 Nghị định có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi không khai hoặc khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, không thu; trốn thuế, gian lận thuế; chậm nộp tiền thuế; không thực hiện trích, chuyển tiền từ tài khoản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm gửi của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước quy định tại khoản 4 Điều 9, Điều 14, Điều 15 và điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định. Mức xử phạt được xác định theo quy định tại Nghị định, không hạn chế mức tối đa theo số tiền phạt.

3. Đối với vi phạm hành chính mà hồ sơ liên quan đến nhiều đơn vị hải quan, đơn vị nào phát hiện, lập biên bản đầu tiên thì đơn vị đó ra quyết định xử phạt; những đơn vị liên quan có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ các tài liệu cần thiết theo yêu cầu của đơn vị thụ lý vụ vi phạm.

4. Xử lý vi phạm liên quan đến hàng hóa chuyển cửa khẩu:

a) Vi phạm liên quan đến hàng hóa chuyển cửa khẩu do Chi cục Hải quan cửa khẩu phát hiện, nếu có dấu hiệu hình sự thì Chi cục Hải quan cửa khẩu yêu cầu Chi cục Hải quan nơi mở tờ khai chuyển toàn bộ hồ sơ có liên quan để xử lý theo thủ tục tố tụng hình sự;

b) Hàng chuyển cửa khẩu có vi phạm hành chính thì Chi cục Hải quan cửa khẩu chuyển hồ sơ để Chi cục Hải quan nơi mở tờ khai xử phạt theo thẩm quyền. Nếu tang vật vi phạm là hàng cấm nhập khẩu, chất thải nguy hại, lây lan dịch bệnh được phát hiện tại cửa khẩu thì Chi cục Hải quan nơi mở tờ khai chuyển hồ sơ để Chi cục Hải quan cửa khẩu thực hiện việc xử phạt theo thẩm quyền;

c) Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày ra quyết định xử lý, đơn vị chủ trì xử lý phải thông báo kết quả xử lý cho đơn vị hải quan liên quan biết.

5. Khi phát hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực hải quan, người có thẩm quyền xử phạt cần đối chiếu với quy định của Bộ luật Hình sự để xác định đó là vi phạm hành chính hay tội phạm hình sự. Trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Đối với dấu hiệu của tội trốn thuế thì trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện phải chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để điều tra theo quy định.

6. Đối với các vụ vi phạm do các đơn vị thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu phát hiện bắt giữ mà có mức phạt vượt quá thẩm quyền của Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc

Cục Điều tra chống buôn lậu thì thẩm quyền xử phạt do Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan thực hiện theo quy định.

Điều 22. Ủy quyền xử lý vi phạm hành chính

Việc ủy quyền xử lý vi phạm hành chính đối với các chức danh quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 28 Nghị định chỉ được thực hiện đối với cấp phó. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản. Trong văn bản ủy quyền cần thể hiện rõ phạm vi, nội dung, thời hạn ủy quyền. Đối với quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính thì việc ủy quyền chỉ được thực hiện khi cấp trưởng vắng mặt.

Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cấp trưởng về việc xử lý vi phạm hành chính của mình và không được ủy quyền tiếp cho bất kỳ cá nhân nào khác.

Mục 5

THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 23. Ra quyết định xử phạt

1. Khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan bằng hình thức

cảnh cáo thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt tại chỗ.

2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải chấp hành quyết định xử phạt của cấp có thẩm quyền.

3. Việc ra quyết định xử phạt thực hiện theo quy định tại Điều 56 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, quy định tại Điều 23 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12/2008 của Chính phủ.

4. Thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 (mười) ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính; đối với vụ vi phạm hành chính có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Trong trường hợp xét cần có thêm thời gian xác minh, thu thập chứng cứ để ra quyết định xử phạt thì cấp có thẩm quyền xử phạt phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn, thời hạn gia hạn không được quá 30 (ba mươi) ngày.

5. Đối với hành vi chậm nộp tiền thuế quy định tại Điều 15 Nghị định thì không

lập biên bản và ra quyết định xử phạt mà người nộp thuế tự xác định số tiền phạt do chậm nộp tiền thuế để nộp vào Ngân sách nhà nước. Quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế mà người nộp thuế vẫn chưa nộp đủ tiền thuế, tiền phạt thì người có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều 28 Nghị định ra thông báo về số tiền thuế nợ và số tiền phạt chậm nộp thuế tính đến thời điểm đó, đồng thời yêu cầu người nộp thuế, người bảo lãnh nộp thuế nộp đủ tiền thuế, tiền phạt vào ngân sách.

6. Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự lợi dụng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao để thực hiện hoạt động thương mại ngoài phạm vi chức năng của họ mà vi phạm hành chính về hải quan thì trước khi xử phạt, cần trao đổi với cơ quan ngoại giao.

Điều 24. Nộp tiền phạt nhiều lần

Việc nộp tiền phạt nhiều lần thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12/2008 của Chính phủ.

Cơ quan hải quan nơi xem xét quyết định việc nộp tiền phạt nhiều lần căn cứ lãi suất không kỳ hạn của một trong các ngân hàng thương mại nhà nước đóng trên cùng địa bàn để tính lãi suất cho số tiền chưa nộp phạt.

Lãi suất không kỳ hạn được tính cố định tại thời điểm quyết định xử phạt có hiệu lực.

Điều 25. Quản lý tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính

Toàn bộ tiền phạt thu được phải nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành. Sau khi hết thời hạn khiếu nại hoặc khiếu nại đã giải quyết xong, căn cứ kết quả xử lý, cơ quan hải quan chuyển số tiền trên từ tài khoản tạm giữ vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Đối với nguồn thu từ xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 59/2008/TT-BTC ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính.

Điều 26. Miễn xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 38 Nghị định

1. Việc xem xét miễn xử phạt vi phạm hành chính chỉ áp dụng đối với trường hợp bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại khoản 4 Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 19 Nghị định.

2. Hồ sơ miễn xử phạt vi phạm hành chính gồm có:

a) Đơn đề nghị miễn xử phạt vi phạm hành chính, trong đó nêu rõ căn cứ đề nghị miễn xử phạt;

b) Biên bản vi phạm hành chính;

c) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có);

d) Xác nhận của chính quyền địa phương về nội dung, thời điểm xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc bất khả kháng khác;

đ) Biên bản do người đại diện của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại phối hợp với chính quyền địa phương lập xác định giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại, nguyên nhân thiệt hại, giá trị tài sản, hàng hóa có thể thu hồi được;

e) Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có);

g) Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

3. Thủ tục, trình tự xét miễn xử phạt vi phạm hành chính:

a) Hồ sơ đề nghị miễn xử phạt được nộp tại cấp có thẩm quyền quyết định miễn xử phạt quy định tại khoản 4 Điều 38 Nghị định;

b) Trên cơ sở hồ sơ quy định, đối chiếu với điều kiện được miễn xử phạt vi phạm hành chính nêu tại khoản 2 Điều 38 Nghị định, Cục trưởng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan

xem xét và ra quyết định miễn xử phạt vi phạm hành chính.

Trường hợp có nghi vấn về tính trung thực của hồ sơ miễn xử phạt thì phải kiểm tra, xác minh trước khi quyết định.

4. Không thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt trong trường hợp đang xem xét miễn xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 27. Chuyển hồ sơ để xử lý hình sự

1. Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển hồ sơ cho người có thẩm quyền xem xét để khởi tố vụ án (đối với những tội quy định tại Điều 153, Điều 154 Bộ luật hình sự) hoặc có văn bản kèm hồ sơ photocopy đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền xem xét khởi tố đối với trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự khác.

2. Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thông báo về quyết định khởi tố vụ án hình sự, cơ quan hải quan phải chuyển hồ sơ gốc vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

3. Quá thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ ngày hết thời hạn quy định tại Điều 103

Bộ luật tố tụng Hình sự mà cơ quan hải quan chưa nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc khởi tố hay không khởi tố vụ án thì người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 28 Nghị định ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và thông báo cho cơ quan tố tụng hình sự biết về việc đã xử phạt vi phạm hành chính.

Việc tính lại thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định thực hiện như sau:

a) Nếu vụ việc vi phạm đã được gia hạn thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính trước khi chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 ngày, kể từ ngày được tính lại thời hạn ra quyết định xử phạt; đối với vụ vi phạm hành chính có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 30 ngày và không được gia hạn thời hạn ra quyết định xử phạt;

b) Nếu vụ việc vi phạm mà trước khi chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự người có thẩm quyền xử phạt chưa xin gia hạn thời hạn xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, thì thời hạn ra quyết định xử phạt được tính lại theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Pháp lệnh xử lý

vi phạm hành chính và được gia hạn thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật”.

Điều 28. Theo dõi việc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, tái xuất hàng hóa vi phạm

Hàng hóa vi phạm bị buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, buộc tái xuất phải được giám sát chặt chẽ từ nơi lưu giữ hàng vi phạm đến cửa khẩu tái xuất. Kết quả giám sát phải được ghi nhận và lưu hồ sơ vụ việc.

Điều 29. Xử lý tang vật vi phạm bị tịch thu

1. Việc xử lý tang vật vi phạm bị tịch thu thực hiện theo quy định tại Điều 61 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 35 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12/2008 của Chính phủ.

2. Trường hợp tang vật vi phạm do Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cục Hải quan), Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan và Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội Kiểm soát hải quan thuộc Cục Hải quan đóng trên địa bàn thành phố trực thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định tịch thu thì bàn giao cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá cấp tỉnh nơi xảy ra hành vi vi phạm để bán đấu giá.

3. Trường hợp tang vật vi phạm do Chi cục trưởng Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Cục Hải quan, trừ trường hợp nêu tại khoản 2 nêu trên; Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan ra quyết định tịch thu thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra hành vi vi phạm hoặc nơi cơ quan của người ra quyết định tịch thu đóng trụ sở thành lập Hội đồng bán đấu giá để bán đấu giá tang vật vi phạm.

Thành phần Hội đồng bán đấu giá gồm lãnh đạo cơ quan ra quyết định tịch thu làm Chủ tịch Hội đồng, lãnh đạo cơ quan tài chính cấp huyện làm Phó Chủ tịch Hội đồng và tùy theo tính chất, đặc điểm của từng vụ việc, người có thẩm quyền thành lập Hội đồng quyết định mời các thành viên khác tham gia Hội đồng.

Chương II

CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Điều 30. Phạm vi và đối tượng áp dụng cưỡng chế

1. Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có trách nhiệm chấp hành các quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan đã quá thời hạn tự nguyện chấp hành các quyết định này mà không tự nguyện chấp hành hoặc có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn và phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế để bảo đảm thi hành các quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định.

2. Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan phải tuân thủ trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Luật quản lý thuế, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

3. Đối tượng bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế bao gồm:

a) Người khai hải quan, người nộp thuế có nghĩa vụ chấp hành các quyết

định hành chính nêu tại khoản 2 Điều 41 Nghị định mà không chấp hành;

b) Kho bạc nhà nước, Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác; tổ chức, cá nhân đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không trích nộp, khấu trừ tiền của đối tượng bị cưỡng chế vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước;

c) Người bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuế, tiền phạt thay cho người nộp thuế theo thông báo của cơ quan hải quan trong trường hợp người nộp thuế không nộp tiền thuế, tiền phạt;

d) Tổ chức, cá nhân nắm giữ tiền, tài sản của người nộp thuế không chấp hành quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản của người nộp thuế do họ nắm giữ;

đ) Tổ chức, cá nhân có liên quan không chấp hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan hải quan.

Điều 31. Trường hợp ra quyết định cưỡng chế

1. Đối với các quyết định hành chính về thuế (bao gồm các quyết định nêu tại điểm a, b, c và đ khoản 2 Điều 41 Nghị

định và các quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 9, Điều 14 Nghị định):

a) Quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày hết thời hạn chấp hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan mà cá nhân, tổ chức hoặc người bảo lãnh của họ không tự nguyện chấp hành;

b) Cá nhân, tổ chức chưa chấp hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan mà có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn.

2. Đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực hải quan: quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày hết thời hạn chấp hành quyết định xử phạt mà cá nhân, tổ chức hoặc người bảo lãnh của họ không tự nguyện chấp hành.

3. Người nộp thuế không bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế trong thời gian được gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế.

Điều 32. Theo dõi, đơn đốc thu nợ tiền thuế, tiền phạt

1. Cơ quan hải quan các cấp có trách nhiệm theo dõi, quản lý các đối tượng nợ tiền thuế, tiền phạt; thường xuyên phân loại đối tượng nợ, các khoản nợ để đơn

đốc, thu nợ đến trước thời điểm áp dụng các biện pháp cưỡng chế.

Hình thức đơn đốc, thu nợ tiền thuế, tiền phạt:

a) Gửi thông báo yêu cầu người nộp thuế, người bảo lãnh nộp thuế nộp đủ số tiền thuế nợ, tiền phạt;

b) Trực tiếp đến trụ sở người nộp thuế để đòi nợ tiền thuế, tiền phạt;

c) Thông tin trên hệ thống mạng về danh sách các đối tượng nợ tiền thuế, tiền phạt quá hạn;

d) Công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về đối tượng nợ tiền thuế, tiền phạt; số tiền thuế nợ, tiền phạt.

2. Người nộp thuế, người bảo lãnh còn nợ tiền thuế, tiền phạt khi nhận được thông báo của cơ quan hải quan về việc nợ tiền thuế, tiền phạt phải nhanh chóng thực hiện việc nộp đủ số tiền thuế, tiền phạt theo quy định của pháp luật. Quá thời hạn quy định tại Điều 29 Thông tư này mà vẫn chưa thực hiện thì sẽ bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế nêu tại Điều 43 Nghị định.

Điều 33. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế

1. Cục trưởng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu,

Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan ra quyết định cưỡng chế và tổ chức việc cưỡng chế thi hành đối với quyết định hành chính do mình hoặc cấp dưới của mình ban hành.

2. Trường hợp áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản; thu tiền, tài sản do tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ mà doanh nghiệp hoặc người nắm giữ tài sản có trụ sở đóng ở địa bàn khác thì Cục trưởng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan ra quyết định cưỡng chế và chuyển quyết định đến Cục Hải quan nơi quản lý địa bàn đó để tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

3. Trường hợp cần áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi mã số thuế, đình chỉ việc sử dụng hóa đơn; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 43 Nghị định mà tổ chức bị cưỡng chế nợ tiền thuế, tiền phạt tại nhiều Cục Hải quan thì Tổng cục Hải quan thông báo cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi sử dụng mã số thuế, đình chỉ sử dụng hóa đơn; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề theo quy định tại Điều 52 Nghị

định và Điều 65 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP.

Điều 34. Xác minh điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế

1. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm kiểm tra cơ sở dữ liệu thông tin hiện có về người khai hải quan, người nộp thuế và có quyền tiến hành xác minh những thông tin về tài khoản, tài sản, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế của đối tượng bị cưỡng chế trước thời điểm ra quyết định cưỡng chế. Chính quyền địa phương, cơ quan đăng ký quyền sở hữu, sử dụng, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm và các tổ chức, cá nhân liên quan phải tạo điều kiện, cung cấp các thông tin cần thiết theo quy định của pháp luật cho cơ quan có thẩm quyền thi hành quyết định cưỡng chế.

2. Việc xác minh đối với tài sản thuộc diện phải đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng cần căn cứ vào hợp đồng mua bán, chuyển đổi, chuyển nhượng hoặc tặng cho; thông qua chủ sở hữu, chính quyền địa phương, cơ quan chức năng hoặc người làm chứng như xác nhận của người bán, của chính quyền địa phương, cơ quan chức năng về việc mua bán, đồng thời có thể thông báo rộng rãi để người có quyền, nghĩa vụ liên quan bảo vệ lợi ích của họ.

Đối với đối tượng bị cưỡng chế là các cơ quan hoặc tổ chức, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế cần xác minh số tiền cưỡng chế có khả năng thu được bằng việc trực tiếp xem xét tài sản, kiểm tra hệ thống sổ sách quản lý vốn, tài sản... và thông qua các cơ quan khác như: cơ quan quản lý vốn, tài sản hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, đăng ký tài sản, ngân hàng, tổ chức tín dụng, người vận chuyển, cá nhân, tổ chức liên quan khác để xác minh điều kiện về tiền, tài sản của các cơ quan, tổ chức này.

Điều 35. Thủ tục gửi văn bản yêu cầu, thông báo, quyết định về cưỡng chế đến người bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Công chức hải quan có nhiệm vụ thi hành quyết định cưỡng chế giao trực tiếp văn bản cho người có thẩm quyền của tổ chức hoặc người nhận có tên trên văn bản. Trong trường hợp có khó khăn trong việc giao trực tiếp thì việc chuyển văn bản được thực hiện bằng thư bảo đảm qua đường bưu điện.

Nếu người nhận vắng mặt thì các văn bản về thi hành quyết định cưỡng chế được giao cho Thủ trưởng cơ quan nơi người đó công tác hoặc người thân thích có năng lực hành vi dân sự đầy đủ cùng sống trong một gia đình nhận thay; yêu cầu người đó cam kết chuyển kịp thời,

đúng thời gian quy định đến tận tay người được thông báo. Việc giao, nhận, thông báo phải được ký xác nhận; thời điểm giao văn bản là thời điểm người nhận thay cam kết chuyển văn bản cho người nhận. Trường hợp vì lý do khách quan mà người đã cam kết nhận thay không chuyển được văn bản cho người được nhận thì phải thông báo cho cơ quan hải quan biết.

2. Trong trường hợp không thực hiện được việc gửi văn bản theo khoản 1 nêu trên thì cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thông báo nội dung văn bản bằng hình thức niêm yết công khai bản chính văn bản trong thời gian ít nhất là 05 (năm) ngày làm việc tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đặt trụ sở chính của tổ chức hoặc nơi cư trú của người được thông báo và tại nơi ở của người được thông báo nếu xác định được nơi ở cụ thể của người đó.

Việc niêm yết công khai phải được lập biên bản, ghi rõ ngày, tháng, năm niêm yết, thời gian niêm yết, nội dung thông báo và người thực hiện niêm yết, có xác nhận của chính quyền địa phương.

3. Trong trường hợp không thể thực hiện việc thông báo theo các hình thức nêu trên thì thông báo liên tiếp hai lần trên báo, đài phát thanh hoặc đài truyền

hình của trung ương hoặc của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nếu xác định đối tượng bị cưỡng chế đang ở tại địa phương đó.

Khi hoàn thành việc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, cơ quan báo, đài phải có văn bản xác nhận đã thực hiện xong việc thông báo và gửi cơ quan hải quan để lưu hồ sơ.

Điều 36. Nguyên tắc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan

1. Chỉ được áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với trường hợp quy định tại Điều 42 Nghị định.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ của nghĩa vụ thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế của đối tượng bị cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương để quyết định áp dụng lần lượt các biện pháp cưỡng chế quy định tại Nghị định. Trường hợp đã ra quyết định cưỡng chế bằng biện pháp tiếp theo mà có thông tin, điều kiện để thực hiện biện pháp cưỡng chế trước đó theo thứ tự tại Điều 43 Nghị định thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có quyền ra quyết định thực hiện biện pháp

cưỡng chế trước để bảo đảm thu đủ số tiền thuế, tiền phạt.

3. Không được tổ chức cưỡng chế trong các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật lao động và ngoài giờ hành chính, 15 (mười lăm) ngày trước và sau Tết nguyên đán; các ngày truyền thống đối với các đối tượng chính sách nếu họ là đối tượng bị cưỡng chế, trừ trường hợp cần ngăn chặn đối tượng bị cưỡng chế có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành quyết định cưỡng chế.

Điều 37. Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế

1. Người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế. Cơ quan chủ trì thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm bảo đảm trật tự trong quá trình cưỡng chế.

2. Người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các quyết định cưỡng chế.

3. Trường hợp nếu thấy cần thiết phải có lực lượng Công an nhân dân trong quá trình thi hành cưỡng chế thì phải có văn bản yêu cầu gửi đến cơ quan Công an liên quan 05 (năm) ngày làm việc trước khi thực hiện cưỡng chế để bố trí lực lượng.

Khi có yêu cầu tham gia bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình cưỡng chế, lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm bố trí lực lượng ngăn chặn kịp thời các hành vi gây rối, chống người thi hành công vụ trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế.

Điều 38. Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế

Quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày ra quyết định. Riêng đối với quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế có hiệu lực thi hành trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định.

Điều 39. Biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tiền gửi

1. Cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi để thi hành các quyết định hành chính về thuế

a) Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế tổ chức xác minh trực tiếp hoặc bằng văn bản các thông tin về tài khoản, số tiền hiện có trong tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế. Việc gửi và nhận văn bản được thực hiện theo chế độ đối với văn bản mật, nếu gửi qua đường bưu điện thì phải thực hiện bằng hình thức bảo đảm. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách

nhiệm bảo mật những thông tin về tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế khi được cung cấp;

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người có thẩm quyền, đối tượng bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Thông tư này (gọi tắt là đối tượng bị cưỡng chế); Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, các tổ chức tín dụng khác nơi đối tượng bị cưỡng chế mở tài khoản tiền gửi phải cung cấp bằng văn bản về tên của Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, các tổ chức tín dụng nơi mở tài khoản, số tài khoản tiền gửi, số dư trong tài khoản tiền gửi của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế. Quá thời hạn quy định mà các tổ chức nêu trên không cung cấp thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính;

c) Người có thẩm quyền căn cứ vào thông tin đã nhận được để ra quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi của đối tượng bị cưỡng chế tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, các tổ chức tín dụng khác. Quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tiền gửi phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; số tiền bị

khấu trừ (theo số ghi trên quyết định hành chính và chi phí cưỡng chế tính đến hết thời hạn 05 (năm) ngày trước khi tiến hành cưỡng chế); lý do khấu trừ; họ tên, mã số thuế, số tài khoản của đối tượng bị khấu trừ; tên, địa chỉ Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác, tổ chức tài chính nơi người bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ mở tài khoản; tên, địa chỉ, số tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc nhà nước, phương thức chuyển số tiền bị khấu trừ vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ nêu trên; thời hạn thi hành và phải được người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế ký tên và đóng dấu;

d) Quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tiền gửi được gửi cho đối tượng bị cưỡng chế, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác nơi tổ chức, cá nhân bị áp dụng cưỡng chế mở tài khoản tiền gửi và các cơ quan có liên quan 05 (năm) ngày trước khi tiến hành cưỡng chế;

đ) Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác ở Việt Nam nơi đối tượng bị cưỡng chế mở tài khoản có trách nhiệm tiến hành phong tỏa tài khoản tiền gửi của đối

tượng bị cưỡng chế nếu trong tài khoản còn số dư ngay khi nhận được quyết định cưỡng chế; chuyển số tiền của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định cưỡng chế trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế; đồng thời thông báo cho cơ quan đã ra quyết định cưỡng chế và đối tượng bị cưỡng chế biết;

e) Nếu tài khoản tiền gửi của đối tượng bị cưỡng chế không còn tiền để trích nộp, Kho bạc nhà nước, Ngân hàng thương mại và các Tổ chức tín dụng khác phải thông báo bằng văn bản cho người ra quyết định cưỡng chế biết trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tiền gửi;

g) Trong thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế, nếu trong tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế còn số dư mà các tổ chức nêu trên không thực hiện trích nộp vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước theo quyết định cưỡng chế thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định;

h) Trường hợp đã thu đủ tiền thuế, tiền phạt thì cơ quan hải quan phải thông báo ngay cho Kho bạc nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác dừng việc phong tỏa tài khoản và dừng việc thực hiện cưỡng chế;

2. Cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi để thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính khác về hải quan

a) Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế tổ chức xác minh trực tiếp hoặc bằng văn bản các thông tin về tài khoản, số tiền hiện có trong tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế. Thủ tục xác minh thực hiện như hướng dẫn tại điểm a, b khoản 1 nêu trên;

b) Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế căn cứ vào thông tin đã nhận được đề ra quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi của đối tượng bị cưỡng chế tại Ngân hàng Thương mại, các tổ chức tín dụng khác. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế, đối tượng bị cưỡng chế có trách nhiệm yêu cầu ngân hàng nơi mở tài khoản chuyển tiền từ tài khoản của mình sang tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định cưỡng chế. Quá thời hạn quy

định mà đối tượng bị cưỡng chế cố tình không thực hiện quyết định cưỡng chế thì sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản quy định tại Mục IV Phần II Thông tư này;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác có trách nhiệm phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thông báo cho chủ tài khoản biết. Khi nhận được yêu cầu chuyển tiền của chủ tài khoản, Ngân hàng Thương mại, các tổ chức tín dụng khác phải chuyển số tiền từ tài khoản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định cưỡng chế; đồng thời thông báo cho cơ quan đã ra quyết định cưỡng chế và đối tượng bị cưỡng chế biết;

d) Trường hợp trong tài khoản không còn số dư hoặc còn nhưng không đủ để thi hành thì Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác sau khi trích số tiền hiện có phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã ra quyết định cưỡng chế biết;

đ) Nếu trong tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế còn số dư mà Ngân hàng Thương mại, các tổ chức tín dụng khác

không thực hiện trích nộp vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước theo quyết định cưỡng chế thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP;

e) Trường hợp đã thu đủ tiền thuế, tiền phạt thì cơ quan hải quan phải thông báo ngay cho Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Thương mại, tổ chức tín dụng khác để dừng việc thực hiện cưỡng chế.

Điều 40. Biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập

1. Chỉ áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là cán bộ, công chức hoặc cá nhân đang làm việc được hưởng tiền lương hoặc thu nhập tại một cơ quan, tổ chức theo hợp đồng có thời hạn từ 06 (sáu) tháng trở lên, hợp đồng không xác định thời hạn hoặc hưởng trợ cấp hưu trí hoặc mất sức hàng tháng.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế phải tổ chức xác minh về các khoản thu nhập hợp pháp của người bị cưỡng chế, bao gồm: lương, lương hưu, trợ cấp mất sức, tiền thưởng và các khoản thu nhập hợp pháp khác.

3. Căn cứ kết quả xác minh, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế.

4. Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; họ tên, địa chỉ của cá nhân bị cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập; tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế; số tiền bị khấu trừ (theo số ghi trên quyết định hành chính và chi phí cưỡng chế tính đến hết thời hạn 05 (năm) ngày trước khi tiến hành cưỡng chế), lý do khấu trừ; tên, địa chỉ của Kho bạc Nhà nước nhận tiền, phương thức chuyển số tiền bị khấu trừ đến Kho bạc; thời gian thi hành; chữ ký của người ra quyết định, dấu của cơ quan ra quyết định.

5. Ngay khi đến kỳ trả tiền lương hoặc thu nhập gần nhất, cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế có trách nhiệm khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế theo nội

dung ghi trong quyết định cưỡng chế và chuyển số tiền đã khấu trừ vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định cưỡng chế, đồng thời thông báo cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết.

6. Tỷ lệ khấu trừ tiền lương, tiền lương hưu hoặc trợ cấp mất sức đối với cá nhân không thấp hơn 10% (mười phần trăm) và không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số tiền lương, trợ cấp hàng tháng của cá nhân đó; đối với những khoản thu nhập khác thì tỷ lệ khấu trừ căn cứ vào thu nhập thực tế, nhưng không quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng số thu nhập.

7. Trường hợp chưa khấu trừ đủ số tiền thuế, số tiền phạt theo quyết định cưỡng chế mà hợp đồng lao động của đối tượng bị cưỡng chế chấm dứt, cơ quan, tổ chức sử dụng lao động phải thông báo cho người ra quyết định cưỡng chế biết trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động.

8. Cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế không thực hiện quyết định cưỡng chế thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP.

Điều 41. Biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên

1. Chỉ áp dụng biện pháp cưỡng chế này khi cơ quan hải quan không áp dụng được các biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 1, 2 Điều 43 Nghị định do cơ quan hải quan không có thông tin về tài khoản tiền gửi, thu nhập của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế hoặc đã áp dụng các biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 1, 2 Điều 43 Nghị định nhưng chưa thu đủ số tiền thuế nợ, tiền phạt.

2. Các trường hợp không áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản:

a) Đối tượng bị cưỡng chế đang trong thời gian chữa bệnh, được cơ quan, tổ chức y tế xác nhận;

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan mà đối tượng bị cưỡng chế không cung cấp thông tin về tài sản hiện đang sở hữu và cơ quan hải quan không nhận được các thông tin khác về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế;

c) Trị giá tài sản của đối tượng bị cưỡng chế không đủ bù đắp chi phí cưỡng chế.

3. Những tài sản không được kê biên

a) Đối với đối tượng bị cưỡng chế là tổ chức:

a.1) Thuốc men chữa bệnh, phương tiện, dụng cụ, tài sản thuộc cơ sở y tế, khám chữa bệnh, trừ trường hợp đây là các tài sản lưu thông để kinh doanh; lương thực, thực phẩm, dụng cụ, tài sản phục vụ ăn giữa ca cho người lao động;

a.2) Nhà trẻ, trường học và các thiết bị, phương tiện, đồ dùng thuộc các cơ sở này, nếu đây không phải là tài sản lưu thông kinh doanh của doanh nghiệp;

a.3) Trang thiết bị phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động; phòng chống cháy nổ, phòng chống ô nhiễm môi trường;

a.4) Cơ sở hạ tầng quan trọng phục vụ lợi ích công cộng, an ninh, quốc phòng;

a.5) Nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm là các hóa chất độc hại nguy hiểm hoặc tài sản không được phép lưu hành;

a.6) Nguyên vật liệu bán thành phẩm đang nằm trong dây chuyền sản xuất khép kín;

a.7) Trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tài sản do Ngân sách Nhà nước trực tiếp cấp.

b) Đối với đối tượng bị cưỡng chế là cá nhân:

b.1) Nhà ở duy nhất của cá nhân bị cưỡng chế và gia đình. Trường hợp, cá nhân bị cưỡng chế có nhiều nhà ở thì phải xác minh rõ kê biên ngôi nhà có giá trị đủ để thanh toán tiền thuế nợ, tiền phạt và chi phí cưỡng chế;

b.2) Thuốc chữa bệnh cần dùng cho nhu cầu phòng, chữa bệnh, lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu cho đối tượng bị cưỡng chế và gia đình họ;

b.3) Công cụ lao động thông thường cần thiết được dùng làm phương tiện sinh sống chủ yếu hoặc duy nhất của cá nhân bị cưỡng chế và gia đình.

Các công cụ lao động có giá trị như xe máy, ô tô, tàu, thuyền, máy cày, máy xay xát và các công cụ có giá trị khác của đối tượng bị cưỡng chế vẫn thực hiện kê biên, bán đấu giá để thi hành quyết định cưỡng chế và trích lại một khoản tiền để đối tượng bị cưỡng chế có thể thay thế bằng một công cụ lao động khác có giá trị thấp hơn.

b.4) Quần áo, đồ dùng sinh hoạt thông thường cần thiết cho cá nhân bị cưỡng chế và gia đình theo mức tối thiểu ở từng địa phương như nôi, xoong, bát đĩa, giường, tủ, bàn ghế và các vật dụng thông thường khác có giá trị không lớn. Những đồ dùng sinh hoạt hay tư trang như tivi, tủ lạnh, máy điều hòa, máy

giặt, máy vi tính, đồ trang sức bằng vàng, bạc, đá quý (trừ nhẫn cưới) thì vẫn kê biên để bảo đảm thi hành quyết định hành chính;

b.5) Đồ dùng thờ cúng, di vật, huân chương, huy chương, bằng khen.

4. Việc kê biên tài sản được thực hiện theo thứ tự sau:

a) Kê biên tài sản là hàng hóa nhập khẩu đang trên đường vận chuyển về Việt Nam, đã về tới cửa khẩu nhập hoặc đang vận chuyển về kho, bãi của đối tượng bị cưỡng chế (trừ hàng hóa là nguyên vật liệu sản xuất hàng xuất khẩu, hàng viện trợ nhân đạo, hàng hóa nhập khẩu để góp vốn đầu tư, hàng nông sản, thực phẩm mau hỏng).

b) Kê biên các tài sản sau đây khi có đủ thông tin và điều kiện:

b.1) Kê biên tài sản là hàng hóa lưu thông trên đường hoặc bày bán tại cửa hàng của đối tượng bị cưỡng chế;

b.2) Kê biên các tài sản khác theo đề nghị của người bị cưỡng chế;

b.3) Kê biên các tài sản khác.

5. Xác minh thông tin về tài sản

a) Khi có thông tin về hàng hóa của đối tượng bị cưỡng chế đang trên đường vận chuyển hoặc đã về tới cửa khẩu nhập, Chi cục Hải quan cửa khẩu

nhập có trách nhiệm thông báo ngay cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết;

b) Người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế tổ chức xác minh trực tiếp hoặc yêu cầu đối tượng bị cưỡng chế cung cấp bằng văn bản các thông tin về tài sản, giá trị của tài sản mà họ đang sở hữu.

6. Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản

a) Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản phải ghi rõ ngày, tháng, năm ban hành quyết định; căn cứ quyết định; họ tên, chức vụ (cấp bậc), đơn vị người ban hành quyết định; họ tên, nơi cư trú, trụ sở của cá nhân bị kê biên tài sản; số tiền bị cưỡng chế; địa điểm kê biên; chữ ký của người ban hành quyết định, dấu của cơ quan ban hành quyết định;

b) Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản phải gửi cho cá nhân bị kê biên tài sản, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc tổ chức có trụ sở đóng trên địa bàn hoặc cơ quan nơi người đó công tác trước khi tiến hành cưỡng chế kê biên là 05 (năm) ngày làm việc, trừ trường hợp cơ quan ban hành quyết định có căn cứ xác định việc gửi trước quyết định sẽ gây trở ngại cho việc tiến hành kê biên;

7. Thủ tục thực hiện biện pháp kê biên tài sản

a) Việc kê biên tài sản phải thực hiện vào ban ngày và trong giờ làm việc hành chính áp dụng tại địa phương kê biên tài sản, trừ trường hợp phát hiện đối tượng bị cưỡng chế có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh việc thi hành quyết định cưỡng chế thì người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế có quyền tổ chức ngay việc kê biên tài sản để ngăn chặn các hành vi trên của đối tượng bị cưỡng chế;

b) Người ban hành quyết định cưỡng chế hoặc người được phân công thực hiện quyết định cưỡng chế chủ trì thực hiện việc kê biên;

c) Trước khi ban hành quyết định kê biên tài sản, người ban hành quyết định cưỡng chế yêu cầu cơ quan đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản cung cấp thông tin về quyền sở hữu, sử dụng tài sản của đối tượng bị cưỡng chế; yêu cầu cơ quan đăng ký giao dịch đảm bảo cung cấp thông tin về tài sản dự định kê biên có đang được dùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của đối tượng bị cưỡng chế đối với người có quyền hay không hoặc tài sản do đối tượng bị cưỡng chế quản lý, sử dụng có phải là tài sản thuê mua tài chính hay không. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, các cơ quan nói

trên phải trả lời bằng văn bản cho người ban hành quyết định cưỡng chế về những nội dung yêu cầu đó;

d) Khi tiến hành kê biên tài sản phải có mặt cá nhân bị cưỡng chế hoặc người đã thành niên trong gia đình, đại diện hợp pháp của tổ chức bị kê biên tài sản, đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến.

Nếu cá nhân phải thi hành quyết định cưỡng chế hoặc người đã thành niên trong gia đình cố tình vắng mặt, thì vẫn tiến hành kê biên tài sản nhưng phải có đại diện của chính quyền địa phương và người chứng kiến;

đ) Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế có quyền đề nghị kê biên tài sản nào trước, người được giao chủ trì kê biên phải chấp nhận nếu xét thấy đề nghị đó không ảnh hưởng đến việc cưỡng chế. Nếu cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không đề nghị cụ thể việc kê biên tài sản nào trước thì tài sản thuộc sở hữu riêng được kê biên trước;

e) Chỉ kê biên những tài sản thuộc sở hữu chung của cá nhân bị cưỡng chế với người khác nếu cá nhân bị cưỡng chế không có tài sản riêng hoặc tài sản riêng không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế. Trường hợp tài sản có tranh chấp thì vẫn tiến hành kê biên và giải thích cho những người cùng sở hữu tài sản kê biên

về quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự;

Cơ quan tiến hành kê biên có trách nhiệm thông báo công khai thời gian, địa điểm tiến hành kê biên để các đồng sở hữu biết. Hết thời hạn 03 (ba) tháng, kể từ ngày kê biên mà không có người khởi kiện thì tài sản kê biên được đem bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản;

g) Chỉ kê biên quyền sử dụng đất, nhà ở, trụ sở của đối tượng bị cưỡng chế nếu sau khi kê biên hết các tài sản khác mà vẫn không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế;

h) Chỉ được kê biên tài sản của đối tượng bị cưỡng chế đủ để đảm bảo thi hành quyết định cưỡng chế và thanh toán các chi phí thi hành cưỡng chế. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế chỉ có một tài sản duy nhất lớn hơn nghĩa vụ thi hành quyết định cưỡng chế mà không thể phân chia được hoặc việc phân chia sẽ làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì cơ quan tiến hành kê biên vẫn có quyền kê biên tài sản đó để đảm bảo thi hành quyết định cưỡng chế;

i) Trong trường hợp kê biên tài sản là nhà ở hoặc đồ vật đang bị khóa hay đóng gói thì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế yêu cầu đối tượng bị cưỡng chế, người đang sử dụng, quản lý tài sản

đó mở khóa, mở gói; nếu đối tượng bị cưỡng chế, người đang sử dụng, quản lý tài sản không mở hoặc cố tình vắng mặt thì tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế lập biên bản (có đại diện của chính quyền địa phương và người chứng kiến) mở khóa hay mở gói để kiểm tra, liệt kê cụ thể các tài sản và kê biên theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cá nhân bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đang chấp hành hình phạt tù thì người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế thực hiện việc thông báo các quyết định, giấy báo về thi hành quyết định cưỡng chế cho những người đó thông qua giám thị trại giam. Người đang bị giam giữ có thể ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ về thi hành quyết định cưỡng chế;

k) Đối với trường hợp tài sản kê biên thuộc diện đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì khi ra quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản, người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế phải thông báo ngay cho các cơ quan sau đây biết việc kê biên tài sản:

k.1) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan có thẩm quyền về đăng ký tài sản gắn liền với đất trong trường hợp kê biên quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

k.2) Cục hàng không Việt Nam, trong trường hợp tài sản kê biên là tàu bay;

Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực, trong trường hợp tài sản kê biên là tàu biển;

k.3) Cục Cảnh sát giao thông đường bộ, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, trong trường hợp tài sản kê biên là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

k.4) Các cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu, sử dụng khác theo quy định của pháp luật.

l) Kể từ thời điểm nhận được thông báo về việc kê biên tài sản, cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản không thực hiện việc đăng ký chuyển dịch tài sản đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày giải tỏa kê biên tài sản hay hoàn tất việc bán hoặc giao tài sản kê biên để cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế, tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phải thông báo cho cơ quan đăng ký quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng tài sản biết;

m) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kê biên tài sản, đối tượng bị cưỡng chế không nộp đủ tiền thuế nợ,

tiền phạt thì cơ quan hải quan được quyền bán đấu giá tài sản kê biên để thu đủ tiền thuế nợ, tiền phạt.

8. Biên bản kê biên tài sản

a) Việc kê biên tài sản phải được lập biên bản. Trong biên bản phải ghi thời gian, địa điểm tiến hành kê biên tài sản; họ tên, chức vụ người chủ trì thực hiện việc kê biên; người đại diện cho tổ chức bị cưỡng chế kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ; người chứng kiến; đại diện chính quyền địa phương (hoặc cơ quan của cá nhân bị cưỡng chế), đại diện tổ chức, cơ quan có liên quan; mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm từng tài sản bị kê biên, giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản (đối với loại tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng);

b) Người chủ trì thực hiện việc kê biên; người đại diện cho tổ chức bị cưỡng chế kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ; người chứng kiến; đại diện chính quyền địa phương (hoặc cơ quan của cá nhân bị cưỡng chế), đại diện tổ chức, cơ quan có liên quan ký tên vào biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do;

c) Biên bản kê biên được lập thành 02 (hai) bản, cơ quan ra quyết định cưỡng chế giữ 01 (một) bản, 01 (một) bản được giao cho cá nhân bị kê biên hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế kê biên ngay sau khi hoàn thành việc lập biên bản kê biên tài sản.

9. Giao bảo quản tài sản kê biên

a) Người chủ trì thực hiện kê biên lựa chọn một trong các hình thức sau đây để bảo quản tài sản kê biên:

a.1) Giao cho người bị cưỡng chế, thân nhân của người bị cưỡng chế hoặc người đang quản lý, sử dụng tài sản đó bảo quản;

a.2) Giao cho một trong những đồng sở hữu chung bảo quản nếu tài sản đó thuộc sở hữu chung;

a.3) Nếu người bị cưỡng chế, người đang sử dụng, quản lý tài sản, người thân thích của người bị cưỡng chế không nhận bảo quản hoặc xét thấy có dấu hiệu tẩu tán, hủy hoại tài sản, cản trở việc thi hành quyết định cưỡng chế thì tùy từng trường hợp cụ thể, tài sản kê biên được giao cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản;

a.4) Người chủ trì thực hiện kê biên tài sản phải thực hiện lưu giữ, bảo quản hồ sơ, giấy tờ về quyền sở hữu, sử dụng tài sản đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện cưỡng chế.

b) Đối với tài sản là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ thì tạm giao cho Kho bạc Nhà nước quản lý; đối với các tài sản như vũ khí, chất nổ, chất phóng xạ, trang thiết bị phương tiện kỹ thuật quân sự và vật liệu nổ công nghiệp khác, công cụ hỗ trợ, vật có giá trị lịch sử, văn hóa, bảo vật quốc gia, cổ vật, hàng lâm sản quý hiếm thì tạm giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý;

c) Khi giao bảo quản tài sản kê biên, người chủ trì thực hiện kê biên phải lập biên bản ghi rõ: ngày, tháng, năm bàn giao bảo quản; họ và tên người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người được giao bảo quản tài sản, người chứng kiến việc bàn giao; số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản; quyền và nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài sản;

Người chủ trì thực hiện kê biên, người được giao bảo quản tài sản, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến ký tên vào biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Biên bản được giao cho người được giao bảo quản tài sản, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến

và người chủ trì thực hiện kê biên mỗi người giữ 01 (một) bản.

d) Người được giao bảo quản tài sản được thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để bảo quản tài sản, trừ những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 54 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007;

đ) Người được giao bảo quản tài sản gây hư hỏng, đánh tráo, làm mất hay hủy hoại tài sản thì phải chịu trách nhiệm bồi thường và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự.

10. Định giá tài sản kê biên

a) Việc định giá tài sản đã kê biên được tiến hành tại nhà của cá nhân hoặc trụ sở của tổ chức bị kê biên hoặc nơi lưu giữ tài sản bị kê biên (trừ trường hợp phải thành lập Hội đồng định giá);

b) Khi kê biên tài sản, người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế phải tạm tính trị giá các tài sản định kê biên để kê biên tương ứng phần giá trị đủ thanh toán số tiền bị cưỡng chế và các chi phí cưỡng chế. Người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế căn cứ vào giá thị trường, đồng thời có thể tham khảo ý kiến của cơ quan chức năng và các bên đương sự để tạm tính giá trị tài sản kê biên;

Sau khi kê biên, nếu bên đương sự thỏa thuận được giá trị tài sản kê biên thì người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế lập biên bản ghi rõ thỏa thuận đó, có chữ ký của các đương sự.

c) Tài sản đã kê biên được định giá theo sự thỏa thuận giữa người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế với đại diện tổ chức hoặc cá nhân bị cưỡng chế và chủ sở hữu chung trong trường hợp kê biên tài sản chung. Thời hạn để các bên thỏa thuận về giá không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày tài sản được kê biên;

Đối với tài sản kê biên có giá trị dưới 500.000 đồng hoặc tài sản thuộc loại mau hỏng, nếu các bên không thỏa thuận được với nhau về giá thì người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm định giá.

d) Trường hợp tài sản kê biên có giá trị từ 500.000 đồng trở lên thuộc loại khó định giá hoặc các bên không thỏa thuận được về giá thì trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tài sản bị kê biên, người đã ban hành quyết định cưỡng chế đề nghị cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng định giá để định giá tài sản kê biên;

Trong thời gian 02 (hai) ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác minh thông tin về tài sản, cơ quan trực tiếp tổ chức việc cưỡng chế phải có văn bản đề nghị

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện việc cưỡng chế hoặc nơi đặt trụ sở chính của tổ chức bị cưỡng chế, nơi cá nhân bị cưỡng chế thường trú quyết định thành lập Hội đồng định giá;

Người ban hành quyết định cưỡng chế là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên. Người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế có quyền thuê hoặc trưng cầu giám định về giá trị của tài sản. Khi có yêu cầu của người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm cử người có chuyên môn tham gia việc định giá. Đại diện cơ quan chuyên môn trong Hội đồng định giá là người có chuyên môn, kỹ thuật thuộc cơ quan có thẩm quyền quản lý về mặt chuyên môn - nghiệp vụ đối với tài sản định giá. Nếu tài sản định giá là nhà ở thì phải có đại diện của cơ quan quản lý nhà đất và cơ quan quản lý xây dựng tham gia Hội đồng định giá;

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày được thành lập, Hội đồng định giá phải tiến hành việc định giá. Cá nhân bị kê biên hoặc đại diện tổ chức có tài sản bị kê biên được tham gia ý kiến vào việc định giá, nhưng quyền quyết định giá thuộc Hội đồng định giá;

Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm định giá và

ý kiến chuyên môn của các cơ quan, tổ chức giám định tài sản để xác định giá tài sản. Hội đồng định giá quyết định về giá của tài sản theo đa số; trong trường hợp các bên có ý kiến ngang nhau về giá tài sản thì bên nào có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là căn cứ xác định giá khởi điểm để bán tài sản. Các thành viên Hội đồng định giá có quyền bảo lưu ý kiến của mình, kiến nghị người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế xem xét lại việc định giá. Đối với tài sản mà nhà nước thống nhất quản lý giá thì việc định giá dựa trên cơ sở giá tài sản do nhà nước quy định;

d) Việc định giá tài sản phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành định giá, thành phần những người tham gia định giá, tên và trị giá tài sản đã được định giá, chữ ký của các thành viên tham gia định giá và của chủ tài sản.

11. Chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá

a) Đối với tài sản bị kê biên để bán đấu giá, căn cứ vào giá trị tài sản được xác định theo hướng dẫn tại khoản 10 nêu trên, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày ra quyết định kê biên, người chủ trì cưỡng chế ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá với các tổ chức có chức năng bán đấu giá sau đây để tổ chức bán đấu giá tài sản:

a.1) Đối với tài sản đã kê biên có giá trị đã xác định dưới 10.000.000 đồng thì người chủ trì cưỡng chế ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá với cơ quan tài chính cấp huyện để tổ chức bán đấu giá;

a.2) Đối với tài sản đã kê biên có giá trị đã xác định từ 10.000.000 đồng trở lên thì người chủ trì cưỡng chế ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá cấp tỉnh nơi có tài sản để tổ chức bán đấu giá.

b) Giá khởi điểm để bán đấu giá các tài sản là giá trị tài sản được định giá khi kê biên tài sản theo hướng dẫn tại khoản 10 Điều này;

c) Việc chuyển giao tài sản kê biên cho cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá phải được lập thành biên bản. Trong biên bản phải ghi rõ: ngày, tháng, năm bàn giao; người bàn giao, người nhận; chữ ký của người giao, người nhận; số lượng, tình trạng tài sản. Hồ sơ bàn giao tài sản kê biên cho cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá bao gồm: quyết định cưỡng chế kê biên; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp (nếu có); văn bản định giá tài sản và biên bản bàn giao tài sản đó;

d) Trong trường hợp tài sản kê biên là hàng hóa công kênh hoặc có số lượng lớn mà Trung tâm dịch vụ bán đấu giá cấp tỉnh hoặc cơ quan tài chính cấp huyện không có nơi cất giữ tài sản thì

sau khi thực hiện xong thủ tục chuyển giao có thể ký hợp đồng bảo quản tài sản với nơi đang giữ tài sản đó. Chi phí cho việc thực hiện hợp đồng bảo quản được thanh toán từ số tiền bán đấu giá tài sản thu được sau khi bán đấu giá;

đ) Khi tài sản kê biên đã được chuyển giao cho cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá thì thủ tục bán đấu giá tài sản đó được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về bán đấu giá tài sản;

e) Đối với tài sản thuộc sở hữu chung, khi bán đấu giá thì ưu tiên bán trước cho người đồng sở hữu;

g) Trường hợp số tiền bán đấu giá tài sản nhiều hơn số tiền ghi trong quyết định hành chính và chi phí cho việc cưỡng chế thì trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bán đấu giá, cơ quan thi hành biện pháp cưỡng chế kê biên bán đấu giá tài sản làm thủ tục trả lại phần chênh lệch cho đối tượng bị cưỡng chế.

12. Chuyển giao quyền sở hữu tài sản

a) Người mua tài sản kê biên được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đó;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng cho người mua theo quy định của pháp luật;

c) Hồ sơ chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng gồm có:

c.1) Bản sao quyết định cưỡng chế hành chính bằng biện pháp kê biên tài sản để bán đấu giá;

c.2) Biên bản bán đấu giá tài sản;

c.3) Các giấy tờ khác liên quan đến tài sản (nếu có).

13. Số tiền thu được do bán đấu giá tài sản kê biên, tài sản thu được do cá nhân, tổ chức khác đang nắm giữ của đối tượng bị cưỡng chế được xử lý theo thứ tự như sau:

a) Chi trả khoản chi phí cưỡng chế, chi phí bán đấu giá tài sản kê biên, tài sản thu được do cá nhân, tổ chức khác đang nắm giữ;

b) Nộp số tiền tương ứng số tiền thuế, tiền phạt ghi tại quyết định cưỡng chế vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước;

c) Hoàn trả lại cho đối tượng bị cưỡng chế (nếu thừa).

Điều 42. Biện pháp cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ

1. Chỉ áp dụng biện pháp này khi cơ quan hải quan không áp dụng được các biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 43 Nghị định hoặc đã áp dụng nhưng chưa thu đủ số tiền thuế nợ, tiền phạt và cơ quan hải quan có căn cứ xác định bên thứ ba đang có khoản nợ

hoặc giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế.

2. Người nắm giữ tài sản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế quy định tại khoản 4 Điều 43 Nghị định gồm:

a) Cá nhân, hộ gia đình, tổ chức (như trung tâm giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, ngân hàng ..) được đối tượng bị cưỡng chế ủy quyền nắm giữ;

b) Cá nhân, hộ gia đình, tổ chức mắc nợ đối tượng bị cưỡng chế;

c) Cá nhân, tổ chức là đối tượng của giao dịch đảm bảo hoặc thực hiện các thủ tục xử lý tài sản theo quy định của pháp luật;

d) Cơ quan thuế nội địa hiện nắm giữ tiền thuế giá trị gia tăng, tiền, tài sản khác thuộc loại hoàn trả cho đối tượng bị cưỡng chế;

đ) Cơ quan, tổ chức khác (Tổ chức giao nhận vận tải, kho ngoại quan, người nhập khẩu ủy thác) hiện đang nắm giữ hàng hóa nhập khẩu của đối tượng bị cưỡng chế.

3. Nguyên tắc thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế từ bên thứ ba

a) Bên thứ ba có khoản nợ đến hạn phải trả cho đối tượng bị cưỡng chế hoặc giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thì có trách nhiệm nộp tiền thuế nợ, tiền phạt thay cho đối tượng bị cưỡng chế;

b) Trường hợp tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ là đối tượng của các giao dịch bảo đảm hoặc thuộc trường hợp giải quyết phá sản thì việc thu tiền, tài sản khác từ bên thứ ba được thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Số tiền bên thứ ba nộp vào tài khoản thu Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước thay cho đối tượng bị cưỡng chế được xác định là số tiền đã thanh toán cho đối tượng bị cưỡng chế.

Căn cứ vào chứng từ thu tiền, tài sản của bên thứ ba, cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế thực hiện thông báo cho đối tượng bị cưỡng chế và các cơ quan liên quan được biết.

4. Trách nhiệm của bên thứ ba đang có khoản nợ, đang giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế

a) Cung cấp cho cơ quan hải quan thông tin về khoản nợ hoặc khoản tiền, tài sản khác đang giữ của đối tượng thuộc diện cưỡng chế, trong đó nêu rõ số lượng tiền, thời hạn thanh toán nợ, loại tài sản, số lượng tài sản, tình trạng tài sản;

b) Khi nhận được văn bản yêu cầu của người có thẩm quyền thì không được chuyển trả tiền, tài sản khác cho đối tượng bị cưỡng chế cho đến khi thực hiện nộp tiền vào tài khoản thu

Ngân sách Nhà nước hoặc tài khoản tạm giữ của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc chuyển giao tài sản cho cơ quan hải quan để làm thủ tục bán đấu giá;

c) Trong trường hợp không thực hiện được yêu cầu của cơ quan hải quan thì phải có văn bản giải trình với cơ quan hải quan trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu;

d) Tổ chức, cá nhân đang có khoản nợ hoặc giữ tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế không thực hiện nộp thay số tiền thuế bị cưỡng chế trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan thì bị coi là nợ tiền thuế của Nhà nước và bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Điều 43 Nghị định.

Điều 43. Cưỡng chế bằng các biện pháp khác

1. Cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu

a) Chỉ áp dụng biện pháp này khi cơ quan Hải quan không áp dụng được các biện pháp cưỡng chế quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều 43 Nghị định hoặc đã áp dụng nhưng chưa thu đủ số tiền thuế nợ, tiền phạt;

b) Người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế phải ra quyết định cưỡng

chế gửi đến đối tượng bị cưỡng chế và thông báo trên mạng thông tin hải quan chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước khi áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu;

c) Quyết định cưỡng chế phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; số quyết định, căn cứ pháp lý ra quyết định; Lý do cưỡng chế, họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; họ tên, địa chỉ của đối tượng bị cưỡng chế; số tiền thuế, tiền phạt chưa nộp chi tiết theo từng tờ khai, vụ việc; tổng số tiền bị cưỡng chế; tên, địa chỉ, số tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; thời hạn thi hành; chữ ký của người ra quyết định, dấu của cơ quan ra quyết định;

d) Việc cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tạm giải tỏa cưỡng chế dừng làm thủ tục nhập khẩu trong những trường hợp được Pháp luật cho phép phải đảm bảo không làm phát sinh nợ mới và được Tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng bảo lãnh về số nợ thuế, nợ phạt được tạm giải tỏa cưỡng chế.

2. Cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi mã số thuế, đình chỉ sử dụng hóa đơn; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề

Khi áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi mã số thuế, đình chỉ sử dụng hóa đơn; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề đối với người nộp thuế thì cơ quan hải quan có thẩm quyền phải:

a) Thông báo cho đối tượng bị cưỡng chế biết trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc trước khi áp dụng biện pháp này;

b) Gửi văn bản yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để thu hồi mã số thuế, đình chỉ sử dụng hóa đơn; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan hải quan, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải ra quyết định thu hồi mã số thuế, đình chỉ sử dụng hóa đơn; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề. Trường hợp không thu hồi thì phải thông báo cho cơ quan hải quan và nêu rõ lý do.

3. Cưỡng chế để tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm

hành chính; cưỡng chế để thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

Thủ tục, trình tự áp dụng biện pháp cưỡng chế để tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; cưỡng chế để thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra thực hiện theo quy định tại Mục D Chương II và Chương III Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005.

Điều 44. Chi phí cưỡng chế

1. Nội dung chi phí

a) Chi phí huy động người thực hiện quyết định cưỡng chế;

b) Chi phí thuê phương tiện tháo dỡ, chuyên chở đồ vật, tài sản;

c) Chi phí bảo vệ cưỡng chế: Chi cho những người trực tiếp tham gia bảo vệ (người ra quyết định cưỡng chế, cảnh sát bảo vệ, nhân viên y tế, cán bộ thi hành quyết định cưỡng chế, đại diện chính quyền địa phương, đại diện tổ chức xã hội,...), chi phí mua nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, thiết bị y tế cần thiết phục vụ thi hành quyết định cưỡng chế;

d) Chi phí phòng cháy, nổ (nếu có): thuê xe cứu hỏa, thuê thiết bị phòng cháy chữa cháy, thuê rà, phá bom, mìn và các phương tiện, thiết bị phòng cháy, nổ cần thiết khác;

đ) Chi phí thuê giữ hoặc bảo quản tài sản đã kê biên;

e) Chi phí định giá tài sản, bán đấu giá tài sản: tiền thù lao cho các thành viên của Hội đồng định giá, chi giám định tài sản (nếu có), tiền thuê địa điểm, phương tiện để tổ chức bán đấu giá, niêm yết, chi phí tổ chức định giá lại tài sản; chi đăng tin thông báo bán đấu giá trên các phương tiện thông tin đại chúng;

g) Chi phí thực tế khác phục vụ cho việc thi hành quyết định cưỡng chế (nếu có).

2. Mức chi

- Các chi phí: thuê giữ hoặc bảo quản tài sản; giám định tài sản; tiền thuê địa điểm, phương tiện để tổ chức bán đấu giá; chi đăng tin thông báo bán đấu giá trên các phương tiện thông tin đại chúng; tiền thuê chuyên chở đồ vật, tài sản cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế... được thực hiện căn cứ theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ theo quy định;

- Các chi phí khác: mức chi được thực hiện theo quy định chung của Nhà nước.

Trường hợp Nhà nước chưa quy định mức chi thì người tổ chức thực hiện cưỡng chế quyết định mức chi và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Nguồn kinh phí bảo đảm cho chi phí thi hành quyết định cưỡng chế

Chi phí cho việc cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế do đối tượng bị cưỡng chế chịu.

Trường hợp chi phí cưỡng chế do đối tượng bị cưỡng chế phải chịu nhưng cơ quan hải quan chưa thu được, cơ quan hải quan được phép tạm ứng từ nguồn kinh phí hoạt động của ngành hải quan và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền của đối tượng bị cưỡng chế hành chính. Mức tạm ứng không quá 30 (ba mươi) triệu đồng. Đối với những trường hợp có mức chi phí cưỡng chế lớn, số tiền được phép tạm ứng sử dụng không đủ thì người ra quyết định cưỡng chế báo cáo cơ quan hải quan cấp trên để xem xét giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể.

4. Miễn, giảm chi phí thi hành cưỡng chế

a) Cá nhân bị cưỡng chế có thể được xét miễn giảm phí thi hành cưỡng chế nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có khó khăn về kinh tế. Cá nhân thuộc diện có khó khăn về kinh tế là những cá nhân có thu nhập không đảm bảo mức sinh hoạt tối thiểu để họ sinh sống bình thường hoặc bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn. Mức thu nhập tối

thiểu là mức thu nhập không thuộc diện chịu thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

Quyết định xét miễn, giảm chi phí cưỡng chế sẽ bị hủy bỏ trong trường hợp phát hiện đối tượng bị cưỡng chế có hành vi tẩu tán, cất giấu tiền, tài sản để trốn tránh việc xác minh điều kiện cụ thể để thi hành cưỡng chế.

- Thuộc diện gia đình chính sách, có công với cách mạng;

- Thuộc diện neo đơn, tàn tật, ốm đau kéo dài.

b) Thủ tục để được miễn, giảm chi phí cưỡng chế:

Để được xét miễn, giảm chi phí cưỡng chế, cá nhân phải làm đơn đề nghị xét miễn, giảm chi phí cưỡng chế có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, sinh sống hoặc xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi đang làm việc. Ngoài ra, thủ tục gồm có:

- Đối với đối tượng bị cưỡng chế có khó khăn về kinh tế do gặp thiên tai, hỏa hoạn phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức nơi đang làm việc;

c) Mức miễn, giảm chi phí thi hành cưỡng chế:

- Cá nhân bị cưỡng chế đã chấp hành được một phần phí cưỡng chế nhưng bị

lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, thì được xét giảm số tiền phí cưỡng chế còn lại;

- Các cá nhân nêu tại điểm a Khoản 4 Mục này được xét giảm 50% (năm mươi phần trăm) số tiền phí cưỡng chế phải nộp.

d) Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế nhận đơn, xem xét, quyết định việc miễn, giảm chi phí cưỡng chế.

Trong trường hợp cơ quan ra quyết định cưỡng chế có quyết định miễn hoặc giảm chi phí cưỡng chế thì chi phí cưỡng chế sẽ được lấy từ kinh phí hoạt động của đơn vị.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 45. Trách nhiệm thực hiện.

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan tổ chức và chỉ đạo việc xử lý vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan; kiểm tra việc tuân thủ pháp luật và giải quyết khiếu nại để bảo đảm thực hiện thống nhất trong toàn ngành, đúng quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng trực tiếp của người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm tổ

chức kiểm tra việc xử lý vi phạm hành chính của cấp dưới.

Cục trưởng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan tổ chức kiểm tra chặt chẽ việc xử lý vi phạm hành chính tại đơn vị mình.

Tại các Chi cục Hải quan, Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan phải cử cán bộ chuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc xử phạt vi phạm hành chính của các Đội nghiệp vụ.

3. Cán bộ, công chức Hải quan có thẩm quyền xử phạt, áp dụng biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính hoặc được giao nhiệm vụ tham mưu cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan có hành vi vi phạm quy định của pháp luật hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm hay sách nhiễu, vụ lợi thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật; nếu gây thiệt hại về vật chất cho cá nhân, tổ chức thì phải bồi thường.

4. Các mẫu ấn chỉ sử dụng trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm

hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan được thực hiện theo Phụ lục đính kèm Thông tư này. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có trách nhiệm hướng dẫn việc sử dụng các mẫu ấn chỉ thống nhất trong toàn ngành.

Điều 46. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Thông tư số 62/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm

2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

(Xem tiếp Công báo số 495 + 496)

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 193/2009/TT-BTC quy định chi tiết thi hành Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan và Nghị định số 18/2009/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2007/NĐ-CP

(Tiếp theo Công báo số 493 + 494)

Phụ lục

DANH MỤC MẪU BIÊN BẢN VÀ QUYẾT ĐỊNH SỬ DỤNG TRONG XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ CƯỖNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

(kèm theo Thông tư số 193/2009/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính)

- | | |
|---|--|
| 1. Mẫu BB-HC1: Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan. | liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan. |
| 2. Mẫu BB-HC2: Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính. | 6. Mẫu BB-HC6: Biên bản bàn giao người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính. |
| 3. Mẫu BB-HC3: Biên bản khám người theo thủ tục hành chính. | 7. Mẫu BB-HC7: Biên bản trả lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện đã bị tạm giữ. |
| 4. Mẫu BB-HC4: Biên bản khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan. | 8. Mẫu BB-HC8: Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan. |
| 5. Mẫu BB-HC5: Biên bản tạm giữ tài | 9. Mẫu BB-HC9: Biên bản niêm phong, mở niêm phong hải quan. |

10. Mẫu BB-HC10: Biên bản bàn giao hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

11. Mẫu BB-HC11: Biên bản làm việc.

12. Mẫu BB-HC12: Biên bản lấy lời khai.

13. Mẫu BB-HC13: Biên bản chứng nhận.

14. Mẫu BB-HC14: Biên bản chứng nhận đưa hàng hóa, vật phẩm, phương tiện ra khỏi Việt Nam hoặc buộc tái xuất.

15. Mẫu BB-HC15: Biên bản tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

16. Mẫu BB-HC16: Biên bản cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

17. Mẫu BB-HC17: Biên bản kê biên tài sản.

18. Mẫu BB-HC18: Biên bản giao bảo quản tài sản kê biên.

19. Mẫu BB-HC19: Biên bản chuyển giao tài sản kê biên để bán đấu giá.

20. Mẫu BB-HC20: Biên bản xác định trị giá hàng hóa, tang vật vi phạm.

21. Mẫu BB-HC21: Biên bản đối thoại giải quyết khiếu nại.

22. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

23. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế trong lĩnh vực hải quan.

24. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan bằng hình thức cảnh cáo.

25. Quyết định nộp tiền phạt nhiều lần.

26. Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính.

27. Quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

28. Quyết định khám người theo thủ tục hành chính.

29. Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

30. Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

31. Quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

32. Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

33. Quyết định trả lại tài liệu, tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

34. Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

35. Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi nộp ngân sách nhà nước.

36. Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập.

37. Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ.

38. Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên.

39. Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác.

40. Quyết định cưỡng chế về việc áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu.

41. Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định xử phạt trong lĩnh vực hải quan.

42. Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

43. Quyết định tạm đình chỉ thi hành

quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

44. Quyết định hủy quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

45. Quyết định hoãn chấp hành quyết định phạt tiền đối với cá nhân.

46. Quyết định miễn xử phạt vi phạm hành chính.

47. Quyết định hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

48. Quyết định sửa đổi quyết định xử phạt vi phạm hành chính

49. Quyết định không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

50. Quyết định đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt.

51. Thông báo thụ lý/không thụ lý giải quyết khiếu nại.

52. Thông báo về số tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp.

53. Thông báo về số tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp.

54. Thông báo về việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC1

Sêri:.....

BIÊN BẢN**vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan**

(A: Bản Hải quan lưu)

Hôm nay, hồi..... giờ,..... ngày..... tháng..... năm

Tại

Chúng tôi gồm:

1..... Chức vụ:..... Đơn vị

2..... Chức vụ:..... Đơn vị

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁽²⁾:
 Năm sinh: Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số..... Ngày cấp..... Nơi cấp

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... Ngày cấp..... Nơi cấp

Người làm chứng:

Ông (bà):..... Năm sinh:..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Ghi tên cá nhân hoặc tổ chức vi phạm, nếu là tổ chức thì ghi thêm họ, tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức;

Người phiên dịch (nếu có):

Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

Nội dung sự việc như sau:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Hành vi của:

Đã vi phạm:.....

.....
.....

Xét cần thiết để ngăn chặn vi phạm, bảo đảm việc xử phạt, chúng tôi đã yêu cầu:

Ông (bà)/tổ chức

đình chỉ ngay hành vi vi phạm và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính sau đây ⁽³⁾:.....

.....
theo Quyết định số:..... ngày..... tháng..... năm....., Biên bản số:..... ngày....
tháng..... năm.....

Yêu cầu ông (bà)/tổ chức..... đúng..... giờ....., ngày.....
tháng..... năm..... đến trụ sở Hải quan

..... để giải quyết đối với
hành vi vi phạm trên.

⁽³⁾ Ghi các biện pháp ngăn chặn cần áp dụng; quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn của cấp có thẩm quyền; số, ngày, tháng, năm của biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vận tải nếu áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm.

Biên bản kết thúc hội..... giờ..... cùng ngày; được lập thành 02 bản, mỗi bản gồm..... tờ có nội dung và giá trị như nhau, được đọc cho mọi người cùng nghe (đã đưa cho mỗi người tự đọc), công nhận là đúng, cùng ký tên vào từng tờ và đã giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.

Lý do người vi phạm hoặc tổ chức vi phạm không ký vào biên bản (nếu có):

.....

.....

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):

.....

.....

NGƯỜI VI PHẠM HOẶC
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM
CHỨNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHIÊN DỊCH
(nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC1

Sêri:.....

BIÊN BẢN

vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan

(B: Bản giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm)

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại.....

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:..... Đơn vị.....

2. Chức vụ:..... Đơn vị.....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁽²⁾:

Năm sinh: Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Người làm chứng

Ông (bà):..... Năm sinh:..... Quốc tịch.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Ghi tên cá nhân hoặc tổ chức vi phạm, nếu là tổ chức thì ghi thêm họ, tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức;

[illegible]

.....

.....

đình chỉ ngay hành vi vi phạm và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính sau đây⁽³⁾:

⁽³⁾ Ghi các biện pháp ngăn chặn cần áp dụng; quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn của cấp có thẩm quyền; số, ngày, tháng, năm của biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vận tải nếu áp dụng biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện vận tải.

theo Quyết định số:..... ngày..... tháng..... năm....., Biên bản số:..... ngày tháng..... năm.....

Yêu cầu ông (bà)/tổ chức.....
đúng..... giờ....., ngày..... tháng..... năm..... đến trụ sở Hải quan.....
..... để giải quyết đối với hành vi vi phạm trên.

Biên bản kết thúc hồi..... giờ..... cùng ngày; được lập thành 02 bản, mỗi bản gồm..... tờ có nội dung và giá trị như nhau, được đọc cho mọi người cùng nghe (đã đưa cho mỗi người tự đọc), công nhận là đúng, cùng ký tên vào từng tờ và đã giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.

Lý do người vi phạm hoặc tổ chức vi phạm không ký vào biên bản (nếu có):

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):.....

NGƯỜI VI PHẠM HOẶC
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHIÊN DỊCH
(nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC2

BIÊN BẢN**khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính**

Căn cứ Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính số....
 ngày tháng năm..... của

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại

Chúng tôi gồm⁽²⁾:

1. Chức vụ:..... Đơn vị.....

2. Chức vụ:..... Đơn vị.....

Với sự chứng kiến của ⁽³⁾:

1. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

2. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

Tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật của ông (bà)/tổ chức (hoặc do ông (bà) điều khiển)⁽⁴⁾:.....

Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ.....

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Họ tên, chức vụ người lập biên bản;

⁽³⁾ Họ tên người làm chứng;

⁽⁴⁾ Ghi họ tên chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải;

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bản gồm.....tờ, có nội dung và giá trị như nhau. Chủ phương tiện vận tải, đồ vật/người điều khiển phương tiện vận tải được giao 01 bản.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁷⁾:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ PTVT, ĐỒ VẬT HOẶC
NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THAM GIA KHÁM
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁷⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC3

BIÊN BẢN**khám người theo thủ tục hành chính**

Căn cứ Quyết định khám người theo thủ tục hành chính số:.....
 ngày..... tháng..... năm.....do⁽²⁾.....
 chức vụ..... ký.

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm....., tại

Chúng tôi gồm⁽³⁾:

1. Chức vụ:..... Đơn vị.....

2. Chức vụ:..... Đơn vị.....

Tiến hành khám người và lập biên bản về việc khám người đối với:

Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch

Nghề nghiệp.....

Địa chỉ:

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

2. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định khám người theo thủ tục hành chính;

⁽³⁾ Họ tên chức vụ người lập biên bản;

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Sau khi khám người, chúng tôi thu giữ được những đồ vật, tài liệu, phương tiện vi phạm hành chính như sau ⁽⁴⁾:

STT	Tên đồ vật, tài liệu, phương tiện	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng	Ghi chú

Số đồ vật, tài liệu trên được ông (bà) cất giấu tại:.....

(5)

Việc khám kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành.....bản; mỗi bản gồm.....tờ; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản và 01 bản lưu hồ sơ.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁶⁾:

NGƯỜI BỊ KHÁM

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KHÁM

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁴⁾ Nếu đồ vật, tài liệu, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.

⁽⁵⁾ Ghi rõ nơi cất giấu số đồ vật, tài liệu phát hiện được trong người;

⁽⁶⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC4

BIÊN BẢN**khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm
hành chính trong lĩnh vực hải quan**

Căn cứ Quyết định khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số:..... ngày..... tháng..... năm..... do..... chức vụ..... ký ⁽²⁾;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại

.....
Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:..... Đơn vị

2. Chức vụ:..... Đơn vị

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

2. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Tiến hành khám ⁽³⁾:

.....
Là nơi cất giấu tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định;

⁽³⁾ Ghi địa chỉ nơi bị khám;

Người chủ nơi bị khám là ⁽⁴⁾:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy CMND/Quyết định thành lập hoặc Đăng ký kinh doanh số

Cấp ngày: tại

Quá trình khám

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Sau khi khám chúng tôi phát hiện có những tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, gồm: ⁽⁵⁾

STT	Tên tài liệu, tang vật, phương tiện	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng ⁽⁶⁾	Ghi chú ⁽⁷⁾

⁽⁴⁾ Nếu chủ nơi bị khám vắng mặt thì ghi họ tên người thành niên trong gia đình họ. Nếu nơi bị khám là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức;

⁽⁵⁾ Nếu tang vật, tài liệu, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản;

⁽⁶⁾ Nếu có phương tiện phải ghi rõ biển kiểm soát;

⁽⁷⁾ Ghi rõ tài liệu, tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm hoặc chủ nơi khám, có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền.

Việc khám kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Trong quá trình khám chúng tôi không làm ảnh hưởng đến lợi ích nào khác của đương sự.

Biên bản được lập thành..... bản; gồm..... tờ; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁸⁾:

.....
.....
.....

CHỦ NƠI BỊ KHÁM HOẶC
NGƯỜI THÀNH NIÊN TRONG GIA ĐÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁸⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC5

BIÊN BẢN

**tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
 trong lĩnh vực hải quan**

Căn cứ Quyết định tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
 số:..... ngày..... tháng..... năm..... do.....
 chức vụ..... ký⁽²⁾

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại

Chúng tôi gồm:

1..... Chức vụ:..... Đơn vị

2..... Chức vụ:..... Đơn vị

Tiến hành lập biên bản tạm giữ tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành
 chính của:

Ông (bà)/tổ chức:..... Năm sinh..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

2. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ gồm:

STT	Tên tài liệu, tang vật, phương tiện bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tài liệu, tang vật, phương tiện ⁽³⁾	Ghi chú ⁽⁴⁾

Ngoài những tài liệu, tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành.....bản; mỗi bản gồm..... tờ; có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽⁵⁾:

.....

⁽³⁾ Nếu là phương tiện thì ghi rõ biển số kiểm soát;

⁽⁴⁾ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm, có sự chứng kiến của người chứng kiến, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền (nếu có); Nếu hồ sơ, tang vật, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.

⁽⁵⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI VI PHẠM
HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC VI PHẠM
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC6

BIÊN BẢN**bàn giao người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính**

Căn cứ Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính số:..... ngày.....
 tháng..... năm..... do..... chức vụ..... ký.

Hôm nay, hồi giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại⁽²⁾

Đại diện bên giao gồm:

1. Chức vụ:..... Đơn vị

2. Chức vụ:..... Đơn vị

Đại diện bên nhận gồm:

1. Chức vụ:..... Đơn vị

2. Chức vụ:..... Đơn vị

Tiến hành bàn giao các ông, (bà) có tên sau đây:

1. Năm sinh..... Quốc tịch.....

2. Năm sinh..... Quốc tịch.....

3. Năm sinh..... Quốc tịch.....

4. Năm sinh..... Quốc tịch.....

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành.....bản; gồm.....tờ; có nội dung và có giá trị như
 nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng
 ký vào biên bản.

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan
 lập biên bản;

⁽²⁾ Ghi địa điểm tiến hành bàn giao người bị tạm giữ;

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁽³⁾:

.....

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN	ĐẠI DIỆN	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
BÊN GIAO	BÊN NHẬN	BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁽³⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC7

BIÊN BẢN**trả lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện bị tạm giữ**

Hôm nay, hồi giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại ⁽²⁾Chúng tôi gồm ⁽³⁾:

1. Chức vụ:..... Đơn vị

2. Chức vụ:..... Đơn vị

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

2. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

Đã tiến hành trả lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện bị tạm giữ theo Quyết định
trả lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện bị tạm giữ số..... ngày..... tháng.....
năm..... của

cho ông (bà)/tổ chức ⁽⁴⁾:

Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

⁽¹⁾ Dòng trên ghi rõ tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi rõ tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Ghi địa điểm tiến hành trả lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện bị tạm giữ ;

⁽³⁾ Ghi tên người thực hiện việc trả lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện;

⁽⁴⁾ Ghi tên người nhận lại tài liệu, hàng hóa, phương tiện;

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Tài liệu, hàng hóa, phương tiện được trả lại gồm có ⁽⁵⁾:

STT	Tên tài liệu, hàng hóa, phương tiện được trả lại	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tài liệu, hàng hóa, phương tiện	Ghi chú

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... tờ, có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản và một bản lưu hồ sơ.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký tên vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁶⁾:

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁵⁾ Ghi tên gọi, số lượng, tình trạng (chất lượng) tài liệu, hàng hóa, phương tiện được trả lại; Nếu nhiều thì lập thành danh mục như mẫu và danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản này;

⁽⁶⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình; lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ, tên.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC8

BIÊN BẢN

tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan

Căn cứ Quyết định ⁽²⁾:

số..... ngày..... tháng..... năm..... do ký ⁽³⁾.

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Chúng tôi gồm ⁽⁴⁾:

1. Chức vụ:..... Đơn vị.....

2. Chức vụ:..... Đơn vị.....

Tiến hành lập biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của:

Ông(bà)/tổ chức:..... Năm sinh..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Với sự chứng kiến của ⁽⁵⁾:

1. Ông (bà)/tổ chức:..... Năm sinh..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

2. Ông (bà)/tổ chức:..... Năm sinh..... Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Ghi tên quyết định là quyết định xử phạt hoặc quyết định tịch thu hàng hóa, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về hải quan;

⁽³⁾ Ghi họ tên, chức vụ của người ký quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

⁽⁴⁾ Họ tên và chức vụ người lập biên bản;

⁽⁵⁾ Họ và tên người làm chứng. Nếu có đại diện chính quyền phải ghi rõ họ tên, chức vụ;

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu gồm:

STT	Tên tang vật, phương tiện bị tịch thu	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện ⁽⁶⁾	Ghi chú ⁽⁷⁾

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... tờ; có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁸⁾:

.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH TỊCH THU
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI VI PHẠM HOẶC
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁶⁾ Nếu là phương tiện ghi thêm biển số đăng ký;

⁽⁷⁾ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm (hoặc đại diện tổ chức vi phạm), có sự chứng kiến của người chứng kiến, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền (nếu có); Nếu hồ sơ, tang vật, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.

⁽⁸⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC9

BIÊN BẢN**niêm phong, mở niêm phong hải quan⁽²⁾**

Hôm nay, hồi giờ..... ngày..... tháng..... năm

Tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:..... Đơn vị

2. Chức vụ:..... Đơn vị

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

2. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

Tiến hành niêm phong, mở niêm phong⁽²⁾ hải quan số tài liệu, tang vật, phương tiện tạm giữ theo Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của

Chức vụ:..... Đơn vị

Số tài liệu, tang vật, phương tiện niêm phong (mở niêm phong) gồm ⁽³⁾:

.....

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Nếu chỉ niêm phong hải quan thì bỏ chữ "mở niêm phong" và ngược lại;

⁽³⁾ Ghi cụ thể tài liệu, tang vật, phương tiện niêm phong, mở niêm phong.

Số tang vật trên đã giao cho ông (bà)
thuộc đơn vị..... chịu trách
nhiệm coi giữ và bảo quản.

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... tờ; có nội dung và giá trị
như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.
Ngoài ra, biên bản này được gửi cho và 01 bản lưu hồ sơ.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng
ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁴⁾:

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GIỮ HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NIÊM PHONG,
MỞ NIÊM PHONG
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁴⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do
có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC10

BIÊN BẢN
bàn giao hồ sơ, tang vật,
phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan⁽²⁾

Hôm nay, hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Tại.....

Chúng tôi gồm:

1.....Chức vụ:.....Đơn vị.....

2.....Chức vụ:.....Đơn vị.....

Đại diện bên giao.

Đã tiến hành bàn giao hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan của⁽³⁾.....

được xác định theo biên bản vi phạm hành chính số...../BB-HC1 ngày.... tháng..... năm..... do..... lập, cho ông (bà) có tên sau đây:

1.....Chức vụ:.....Đơn vị.....

2.....Chức vụ:.....Đơn vị.....

Đại diện bên nhận.

HỒ SƠ GỒM: ⁽⁴⁾

STT	Tên bút lục hồ sơ	Số trang	Ghi chú

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Nếu bàn giao hồ sơ thì xóa bỏ tang vật, phương tiện; và ngược lại;

⁽³⁾ Ghi tên người vi phạm, tổ chức vi phạm;

⁽⁴⁾ Nếu hồ sơ, tang vật, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản;

TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN GỒM ⁽⁵⁾

STT	Tên tang vật, phương tiện được được bàn giao	Số lượng, trọng lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện	Ghi chú

Chúng tôi lập biên bản bàn giao hồ sơ, tang vật, phương tiện ghi trên để xử lý theo quy định

Đại diện bên nhận đã kiểm tra lại và nhận đầy đủ các hồ sơ, tang vật, phương tiện theo danh mục nêu trên.

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành.....bản; mỗi bản gồm.....tờ; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho.....01 bản và một bản lưu hồ sơ.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁶⁾:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁽⁵⁾ Ghi rõ tên hàng, quy cách, chất lượng. Nếu hồ sơ, tang vật, phương tiện nhiều, lập thành danh mục đính kèm. Danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản. Nếu hồ sơ, tang vật, phương tiện đã niêm phong, phải ghi rõ số, ký hiệu (hoặc chữ ký) ở niêm phong vào cột ghi chú.

⁽⁶⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

.....⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC11

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hôm nay, hồigiờ..... ngày.....tháng..... năm
 Tại.....

Chúng tôi gồm:

1.....Chức vụ:.....Đơn vị.....

2.....Chức vụ:.....Đơn vị.....

Đã làm việc với:

1. Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch.....

Nghề nghiệp.....

Địa chỉ:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

2. Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch.....

Nghề nghiệp.....

Địa chỉ:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Nội dung làm việc:

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ..... ngày.....tháng.....năm

Biên bản được lập thành.....bản; mỗi bản gồm.....tờ; có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho.....01 bản.

.....

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽²⁾:

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI THAM GIA LÀM VIỆC

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽²⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

HỎI VÀ ĐÁP

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....
Biên bản được lập thành..... bản; gồm..... tờ; có nội dung và giá trị như nhau,
đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký
vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁵⁾:

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẤY LỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHIÊN DỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GIÁM HỘ
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁵⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC13

BIÊN BẢN CHỨNG NHẬN

Hôm nay, hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm

Tại.....

Chúng tôi gồm:

1.....Chức vụ:.....Đơn vị.....

2.....Chức vụ:.....Đơn vị.....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông(bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp..... Nơi cấp.....

2. Ông (bà):..... Năm sinh..... Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Chứng nhận rằng ⁽²⁾:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

⁽¹⁾ Dòng trên ghi rõ tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi rõ tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Ghi nội dung sự việc cần chứng nhận, nếu phát hiện vi phạm nhưng thuộc trường hợp không xử phạt thì cần ghi rõ thông tin về tổ chức, cá nhân vi phạm;

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽³⁾:

⁽³⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

7 - CB

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Biên bản được lập thành.....bản; mỗi bản gồm.....tờ; có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho.....01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽³⁾:

NGƯỜI VI PHẠM HOẶC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ

CHỨC VI PHẠM

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽³⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

.....⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 Số:/BB-HC15

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
tiêu hủy tang vật, phương tiện
vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan

Căn cứ Quyết định (2).....số

ngày.....tháng.....năm.....của

Hôm nay, hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm

Tại

Chúng tôi gồm:

1.Chức vụ.....Đơn vị

2.Chức vụ.....Đơn vị

3.Chức vụ.....Đơn vị

4.Chức vụ.....Đơn vị

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

2. Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Đã tiến hành tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sau đây (3):

.....

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Ghi tên quyết định;

⁽³⁾ Ghi cụ thể tang vật, phương tiện bị tiêu hủy;

⁽⁴⁾ Ghi phương pháp tiêu hủy.

.....
.....
.....
Phương pháp tiêu hủy ⁽⁴⁾:
.....
.....
.....
.....

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... tờ; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho.....01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁵⁾:

.....
.....
.....
.....
.....

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TIÊU HỦY

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁵⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC16

BIÊN BẢN**cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan**

Hôm nay, hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm

Tại

Thực hiện Quyết định số:ngày.....tháng..... năm..... của.....

Chúng tôi gồm ⁽²⁾:

1.Chức vụ.....Đơn vị.....

2.Chức vụ.....Đơn vị.....

3.Chức vụ.....Đơn vị.....

4.Chức vụ.....Đơn vị.....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

2. Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Đã tiến hành cưỡng chế theo thủ tục hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức:⁽³⁾

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Ghi tên của những người tham gia thực hiện cưỡng chế thuộc cơ quan Hải quan và các cơ quan khác phối hợp theo quy định tại Điều 66 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

⁽³⁾ Ghi rõ tên tổ chức/cá nhân bị cưỡng chế (địa chỉ, nghề nghiệp, ngày, tháng, năm sinh, số chứng minh thư, hộ chiếu ngày, tháng, năm cấp, nơi cấp).

Năm sinh.....Quốc tịch:.....
 Địa chỉ:.....
 Nghề nghiệp:.....
 Giấy CMND/Hộ chiếu/GPKD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
 Biện pháp cưỡng chế:

Kết quả cưỡng chế như sau:

Việc cưỡng chế kết thúc vào hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm
 Quá trình cưỡng chế đối với ông (bà)..... đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Biên bản được lập thành.....bản; mỗi bản gồm.....tờ; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho.....01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) (4):

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
 PHỐI HỢP CƯỖNG CHẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

CÁ NHÂN HOẶC
 ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BỊ CƯỖNG CHẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁵⁾

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
 (Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁶⁾

⁽⁴⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do, ký và ghi rõ họ tên;

^{(5) (6)} Trường hợp cá nhân hoặc người đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến từ chối ký tên, thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC17

BIÊN BẢN
kê biên tài sản

Hôm nay, hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm

Tại ⁽²⁾

Chúng tôi gồm:

1.Chức vụ.....Đơn vị

2.Chức vụ.....Đơn vị

3.Chức vụ.....Đơn vị

4.Chức vụ.....Đơn vị

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

2. Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Đã tiến hành kê biên tài sản theo quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành
chính số.....ngày.....tháng.....năm.....củaĐối với Ông (bà)/tổ chức ⁽³⁾:.....

Năm sinh.....Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

⁽¹⁾: Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾: Ghi địa điểm tiến hành kê biên tài sản;

⁽³⁾: Ghi tên và các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân bị kê biên tài sản như: địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số chứng minh thư hoặc hộ chiếu, Giấy phép kinh doanh;

⁽⁴⁾: Ghi tài sản bị kê biên, trong đó: mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm số biển kiểm soát (nếu là PTVT) của từng tài sản bị kê biên.

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu/GPKD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Tài sản kê biên gồm có ⁽⁴⁾:

STT	Tên tang vật, phương tiện bị kê biên	Số lượng, trọng lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện	Ghi chú

Việc kê biên tài sản kết thúc vào hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Quá trình kê biên tài sản của ông (bà)/tổ chức
đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Biên bản được lập thành 02 bản; mỗi bản gồm.....tờ; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho.....01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁵⁾:

.....
.....

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TỔ CHỨC THỰC HIỆN CƯỖNG CHẾ

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN PHỐI HỢP CƯỖNG CHẾ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁ NHÂN HOẶC

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BỊ CƯỖNG CHẾ

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁶⁾

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁶⁾

⁽⁵⁾: Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên;

⁽⁶⁾: Trường hợp cá nhân hoặc người đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến từ chối ký, thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC18

BIÊN BẢN
giao bảo quản tài sản kê biên

Hôm nay, hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm

Tại ⁽²⁾

Chúng tôi gồm:

1.....Chức vụ:.....Đơn vị

2.....Chức vụ:.....Đơn vị

Đại diện bên giao

Đã tiến hành giao bảo quản tài sản kê biên theo Quyết định cưỡng chế thi hành
quyết định hành chính số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....

cho ông (bà)/tổ chức:

Năm sinh.....Quốc tịch:.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Đại diện bên nhận

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

2. Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch

Địa chỉ:.....

⁽¹⁾: Dòng trên ghi rõ tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi rõ tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾: Ghi địa điểm tiến hành giao bảo quản tài sản kê biên;

⁽³⁾: Ghi tên gọi, số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản kê biên; Đối với phương tiện thì phải ghi rõ biển kiểm soát. Nếu nhiều thì lập danh mục riêng kèm theo như mẫu và danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản.

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Tài sản kê biên giao bảo quản gồm có (3):

STT	Tên tang vật, phương tiện được giao bảo quản	Số lượng, trọng lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện	Ghi chú

Việc giao bảo quản tài sản kê biên kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày... tháng... năm...

Quá trình giao bảo quản tài sản kê biên của ông (bà)/tổ chức
đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm..... tờ; có nội dung và có giá trị
như nhau. Đã giao cho..... 01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng
ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁴⁾:

.....
.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁ NHÂN HOẶC

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BỊ CƯỖNG CHẾ

(Ký, ghi rõ họ tên) ⁽⁵⁾

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên) ⁽⁵⁾

⁽⁴⁾: Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên;

⁽⁵⁾: Trường hợp cá nhân hoặc người đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến từ chối ký, thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC19

BIÊN BẢN**chuyển giao tài sản kê biên để bán đấu giá**

Hôm nay, hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm

Tại ⁽²⁾

Chúng tôi gồm:

1.....Chức vụ:.....Đơn vị

2.....Chức vụ:.....Đơn vị

Đại diện bên giao

Đã tiến hành chuyển giao tài sản kê biên để bán đấu giá theo Quyết định kê biên tài sản số.....ngày.....tháng.....năm..... của

Cho ông (bà)/tổ chức:

Quốc tịch:

Địa chỉ:

Nghề nghiệp:

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp

Đại diện bên nhận

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch

Địa chỉ:

Nghề nghiệp:

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp

2. Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch

Địa chỉ:

Nghề nghiệp:

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;⁽²⁾ Ghi địa điểm tiến hành chuyển giao tài sản kê biên;⁽³⁾ Ghi tên gọi, số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản kê biên; Đối với phương tiện thì phải ghi rõ biển kiểm soát. Nếu nhiều thì lập danh mục kèm theo và danh mục phải có đầy đủ chữ ký của những người có tên trong biên bản;

Tài sản kê biên chuyển giao gồm có ⁽³⁾:

STT	Tên tang vật, phương tiện được chuyển giao	Số lượng, trọng lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện	Ghi chú

Hồ sơ gồm có (4)

STT	Tên bút lục hồ sơ	Số trang	Ghi chú

Việc chuyển giao tài sản kê biên kết thúc vào hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Biên bản được lập thành..... bản; mỗi bản gồm.....tờ; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho.....01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁵⁾:

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁴⁾: Ghi cụ thể hồ sơ bàn giao (tên bút lục, số trang, tình trạng...)

⁽⁵⁾: Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

.....⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC20

BIÊN BẢN
xác định trị giá hàng hóa, tang vật vi phạm

Hôm nay, hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm

Tại ⁽²⁾

Chúng tôi gồm:

1.Chức vụ.....Đơn vị
2.Chức vụ.....Đơn vị
3.Chức vụ.....Đơn vị
4.Chức vụ.....Đơn vị

Với sự chứng kiến của:

Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Đại diện tổ chức hoặc cá nhân vi phạm (nếu có):

Ông (bà):.....Năm sinh.....Quốc tịch

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Đã tiến hành xác định trị giá hàng hóa, tang vật vi phạm hành chính đang bị tạm giữ tại Biên bản tạm giữ số.....ngày.....tháng.....năm.....của dựa trên các căn cứ sau đây ⁽³⁾:

Hàng hóa, tang vật vi phạm được định giá gồm có ⁽⁴⁾:

⁽¹⁾: Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾: Ghi địa điểm tiến hành xác định trị giá hàng hóa, tang vật vi phạm;

⁽³⁾: Ghi các căn cứ cụ thể để xác định trị giá hàng hóa, tang vật vi phạm;

⁽⁴⁾: Ghi cụ thể từng loại hàng hóa, tang vật vi phạm được định giá

STT	Tên hàng hóa, tang vật được định giá	Số lượng, trọng lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng hàng hóa, tang vật	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú

Quá trình định giá hàng hóa, tang vật vi phạm hành chính, đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Biên bản được lập xong vào hồi.....giờ..... cùng ngày, mỗi bản gồm.....tờ; có nội dung và có giá trị như nhau. Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁵⁾:

.....

.....

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁ NHÂN HOẶC
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM

(nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THAM GIA ĐỊNH GIÁ

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁵⁾: Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-HC21

BIÊN BẢN**đôi thoại giải quyết khiếu nại**

Hôm nay, hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm

Tại ⁽²⁾

Chúng tôi gồm:

1.....Chức vụ:.....Đơn vị.....

2.....Chức vụ:.....Đơn vị.....

Đã tiến hành đối thoại với:

1. Ông (bà):.....Năm sinh:.....Quốc tịch

Địa chỉ:

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

2. Ông (bà):.....Năm sinh:.....Quốc tịch

Địa chỉ:

Nghề nghiệp:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Nội dung đối thoại ⁽³⁾:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan lập biên bản;

⁽²⁾ Ghi địa điểm tiến hành đối thoại;

⁽³⁾ Ghi nội dung đối thoại.

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Biên bản được lập thành.....bản; mỗi bản gồm.....tờ; có nội dung và có giá trị như nhau. Đã giao cho.....01 bản.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁴⁾:

NGƯỜI THAM GIA LÀM VIỆC

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁴⁾ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ, tên.

Mẫu QĐ-22

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:...../QĐ-⁽²⁾.....⁽³⁾, ngày.....tháng.....năm.....**QUYẾT ĐỊNH****Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan**.....⁽⁴⁾

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều.....Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2009/NĐ-CP ngày 18/02/2009 của Chính phủ)

Căn cứ;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số.....ngày.....tháng.....năm
do lập,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:**

Ông (bà)/tổ chức:

Năm sinh.....Quốc tịch.....

Địa chỉ:

Nghề nghiệp

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp

Với các hình thức sau:

⁽¹⁾ Dòng trên ghi tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, dòng dưới ghi tên cơ quan ra quyết định;

⁽²⁾ Ghi chữ viết tắt tên cơ quan ban hành Quyết định;

⁽³⁾ Ghi địa danh hành chính;

⁽⁴⁾ Ghi thẩm quyền ban hành quyết định.

1. Hình thức xử phạt chính:

2. Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có):

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

Vì đã có hành vi vi phạm hành chính:⁽⁵⁾

Điều 2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, ông (bà)/tổ chức.....phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này.

Quá thời hạn này, nếu ông (bà)/tổ chức..... không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 66 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Điều 37 Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định việc xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số: tại Kho bạc Nhà nước ⁽⁶⁾

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, ông (bà)/tổ chức..... có quyền khiếu nại đối với quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm ⁽⁷⁾

Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức..... để chấp hành;

2. Kho bạc Nhà nước.....để thu tiền phạt./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3.....bản;

- Lưu.....bản.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁽⁵⁾ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm;

⁽⁶⁾ Ghi tên, địa chỉ Kho bạc Nhà nước;

⁽⁷⁾ Ngày ký Quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền xử phạt quyết định.